

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên:

Bùi Bích Ngọc

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên:

Bùi Bích Ngọc

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Bích Ngọc

Mã SV: 1354010394

Lớp: QT1305K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng HP

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp
- Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.
- Đánh giá ưu điểm, khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng. Từ đó đề xuất một số biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ năm 2012 tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng HP.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng, số 4 Lý Tự Trọng
- phường Minh Khai – quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I:	4
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DN	4
1.1.Sự cần thiết của việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong Doanh nghiệp.....	4
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	4
1.1.1.1.Khái niệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	4
1.1.1.2.Đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	5
1.1.2. Vị trí vai trò của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	6
1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong DN.....	7
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán NVL, CCDC trong doanh nghiệp.....	10
1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.	12
1.1.5.1.Phân loại nguyên vật liệu.....	12
1.1.5.2.Phân loại công cụ dụng cụ	15
1.1.6. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.....	16
1.1.6.1.Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	16
1.1.6.2.Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho.	17
1.1.6.3.Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho	18
1.2.Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	22
1.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng	22
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	23
1.2.2.1.Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp thẻ song song.....	23

1.2.2.2.Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	26
1.2.2.3.Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp sổ số dư.....	27
1.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	30
1.2.3.1.Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên	31
1.2.3.2.Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	36
1.3.Các hình thức kế toán và chứng từ sổ sách sử dụng trong DN.....	39
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	39
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	41
1.3.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	43
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	46
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	48
CHƯƠNG II:.....	50
MÔ TẢ VÀ PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT & VẬN TẢI CẢNG HP	50
2.1.Khái quát chung về công ty cổ phần lai dất và vận tải Cảng HP.....	50
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	50
2.1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	51
2.1.2.1.Ngành nghề kinh doanh	51
2.1.2.2.Địa bàn kinh doanh	52
2.1.3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	53
2.1.3.1.Cơ cấu tổ chức của công ty.....	53

2.1.3.2.Cơ cấu và hoạt động.....	53
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, hình thức, chuẩn mực, chế độ, phương pháp và chính sách kế toán áp dụng tại công ty	54
2.1.4.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán	54
2.1.4.2.Hình thức kế toán áp dụng tại công ty: Nhật ký chứng từ.....	57
2.1.4.3.Chuẩn mực, chế độ, phương pháp và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty	58
2.2.Thực trạng công tác kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.....	62
2.2.1. Tổ chức quản lý Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.....	62
2.2.1.1.Phân loại Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng HP.....	62
2.2.1.2.Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	63
2.2.1.3.Thủ tục nhập, xuất kho NVL, CCDC	64
A. Thủ tục nhập kho NVL, CCDC	64
B. Thủ tục xuất kho NVL, CCDC	78
C. Thẻ kho và các loại sổ liên quan.....	89
2.2.2. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.	96
CHƯƠNG III:	110
MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL, CCDC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HP.	110
3.1.Nhận xét chung về công tác kế toán NVL, CCDC tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.....	110
3.1.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán NVL, CCDC tại công ty.	111

3.1.1.1.Về công tác quản lý.....	111
3.1.1.2.Về công tác kế toán.....	112
3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán NVL, CCDC tại công ty.....	114
3.2.Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dắt và vận tải cảng HP.	115
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.....	115
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	116
3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dắt và vận tải cảng HP.	117
3.2.3.1.Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm NVL, CCDC.....	117
3.2.3.2.Hoàn thiện việc phân loại, phân bổ NVL, CCDC	124
3.2.3.3.Hoàn thiện việc lập sổ sách kế toán tại Công ty	124
3.2.3.5.Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	135
3.2.3.6.Hoàn thiện việc áp dụng kế toán máy vào hạch toán nói chung và hạch toán vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng.	135
3.2.3.7.Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	136
KẾT LUẬN	138
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	140

LỜI MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết

Chịu sự ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính ở Hoa Kỳ, nền kinh tế Việt Nam cũng phải đương đầu với những khó khăn không nhỏ. Từ đầu năm 2010, các chính sách khôi phục kinh tế sau khủng hoảng đã được từng bước thực hiện. Tuy nhiên, chịu tác động mạnh mẽ của suy thoái kinh tế toàn cầu và lạm phát tăng cao, nền kinh tế vẫn chưa thực sự ổn định và còn tồn tại nhiều yếu tố bất lợi. Năm 2011, các doanh nghiệp Việt Nam đã phải trải qua một năm đầy sóng gió với lạm phát tăng cao trên 18%, thị trường bất động sản đóng băng, giá vàng, giá dầu liên tiếp lập kỷ lục, chứng khoán triền miên chuỗi ngày lao đao, hàng không tư nhân chết yểu, vỡ nợ tín dụng đen dây truyền, và đặc biệt là có tới hơn 50.000 doanh nghiệp Việt Nam bị phá sản. Tình hình đó đã khiến cho nền kinh tế Việt Nam năm 2012, 2013 phải chịu ảnh hưởng nặng nề.

Đứng trước bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước diễn ra phức tạp, các doanh nghiệp Việt Nam muốn tồn tại được phải có những chính sách đúng đắn, các bước đi mang tính thận trọng, dè chừng. Chính vì vậy các nhà Quản lý doanh nghiệp phải đưa ra những quyết định tài chính sáng suốt.

Nhận định những khó khăn, thách thức của nền kinh tế và những tồn tại tiêu cực của hình thức doanh nghiệp nhà nước chưa được xóa bỏ hoàn toàn sau cổ phần hoá, công ty cổ phần lai dặt và vận tải cảng Hải Phòng đưa ra mục tiêu “để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế hiện tại công ty cần phải cắt giảm chi phí, hạ giá thành để thu được lợi nhuận cao nhất”. Đồng thời hệ thống kế toán cũng xác định chi phí Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là những khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong toàn bộ chi phí kinh doanh. Chính vì vậy, bộ phận kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có

ý nghĩa đặc biệt quan trọng với sự tồn tại và phát triển của công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

Đây cũng là lý do em chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng”.

Mục tiêu nghiên cứu đề tài

Hệ thống lý luận vấn đề cơ bản về công tác kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong Doanh nghiệp.

Thực trạng công tác kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

Đề xuất một số giải pháp, phương hướng hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

Phạm vi nghiên cứu: bài nghiên cứu trình bày kết quả nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng năm 2012.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp kế toán

Phương pháp phân tích

Phương pháp so sánh

Phương pháp chuyên gia

Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Các kỹ thuật, nghiệp vụ kế toán cơ bản sử dụng trong kế toán quản trị: thiết kế thông tin dưới dạng so sánh được, phân loại chi phí đáp ứng mục tiêu cụ thể, trình bày thông tin dưới dạng phương trình, mô hình và đồ thị.

Nội dung nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm có 3 chương:

CHƯƠNG I: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG II: Mô tả và phân tích thực trạng kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

CHƯƠNG III: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của giáo viên Th.S Trần Thị Thanh Thảo và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tài chính tại công ty đã giúp em hoàn thành đề tài của mình, xong do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít nên bài viết sẽ không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn.

Sinh viên

Bùi Bích Ngọc

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DN

1.1. Sự cần thiết của việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong Doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.1.1.1. *Khái niệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ*

Theo chuẩn mực kế toán, hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản xuất của sản xuất sản phẩm.

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được thể hiện dưới dạng vật hoá như: sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sợi trong doanh nghiệp dệt, da trong doanh nghiệp đóng giày, vải trong doanh nghiệp may mặc,....

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, giá trị nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nên giá trị của sản phẩm dịch vụ tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

Công cụ dụng cụ là một bộ phận của hàng tồn kho, là những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định với Tài

sản cố định. Vì vậy công cụ dụng cụ được quản lý và hạch toán giống như nguyên vật liệu.

Theo qui định hiện hành, có một số tư liệu lao động sau không phân biệt theo tiêu chuẩn thời gian sử dụng và giá trị thực tế vẫn hạch toán là công cụ, dụng cụ như:

- Các lán trại tạm thời, đà giáo, ván khuôn, giá lắp chuyên dùng cho sản xuất xây lắp.
- Các loại bao bì bán kèm theo hàng hoá có tính tiền riêng, nhưng trong quá trình bảo quản hàng hoá vận chuyển trên đường và dự trữ trong kho có tính giá trị hao mòn để trừ dần giá trị của bao bì.
- Các loại bao bì dùng để đựng nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá trong quá trình thu mua, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá.
- Những dụng cụ, đồ nghề bằng thuỷ tinh, sành sứ.
- Quần áo, giày dép chuyên dùng để lao động.

1.1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ, thay đổi hình dạng ban đầu sau quá trình sử dụng. Còn công cụ dụng cụ tham gia nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh và giữ nguyên hình thái ban đầu cho đến lúc hư hỏng.

Về mặt giá trị: Giá trị của nguyên vật liệu chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị của sản phẩm mới vừa được tạo ra. Còn giá trị của công cụ dụng cụ được hao mòn dần trong quá trình sử dụng và được dịch chuyển từng phần vào giá trị của sản phẩm mới tạo ra. CCDC thường có giá trị nhỏ, chóng hao mòn và được mua sắm thường xuyên bằng vốn lưu động.

1.1.2. Vị trí vai trò của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung thì vật liệu là tài sản dự trữ và phục vụ cho sản xuất thuộc tài sản lưu động được thể hiện dưới dạng vật hoá, là một trong ba yếu tố của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành thực thể sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Chi phí về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chiếm một tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất sản phẩm, đồng thời là một bộ phận dự trữ sản xuất quan trọng nhất của doanh nghiệp. Khác với tài sản cố định ở chỗ vật liệu chỉ tham gia ở một chu kỳ sản xuất nhất định, giá trị của nó chuyển dịch hết vào giá thành sản phẩm được tạo ra trong quá trình tham gia sản xuất. Dưới tác động của lao động, vật liệu bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị biến đổi từ hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể vật chất sản phẩm.

Trong các doanh nghiệp thương mại, NVL có vai trò tổ chức lưu thông hàng hoá, đưa hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Do đó NVL sử dụng trong các doanh nghiệp thương mại chỉ là những vật liệu bao bì phục vụ cho quá trình bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ hàng hoá, các vật liệu sử dụng trong công tác quản lý doanh nghiệp, sửa chữa tài sản cố định.

Vì vật liệu có vai trò, vị trí quan trọng như vậy trong sản xuất kinh doanh nên doanh nghiệp phải có biện pháp tổ chức tốt công tác quản lý và hạch toán các quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản và dự trữ ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí vật liệu qua các khâu của quá trình sản xuất có ý nghĩa lớn trong việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tiết kiệm vốn.

Công cụ dụng cụ cũng có một vị trí rất quan trọng trong việc tạo ra sản phẩm, nó là những tư liệu không thể thiếu được trong việc sản xuất, về mặt giá trị và thời gian sử dụng quy định nó không đủ tiêu chuẩn được xếp vào tài sản cố định. Bởi vậy công cụ dụng cụ mang đầy đủ tính chất đặc điểm như tài sản cố định hữu hình.

Do công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ, chóng hao mòn và hư hỏng, đòi hỏi phải thay thế và bổ sung thường xuyên nên được xếp vào tài sản cố định được mua sắm bằng vốn lưu động của doanh nghiệp như đối với nguyên vật liệu.

Qua những đặc điểm trên của công cụ dụng cụ làm cho việc quản lý và hạch toán không hoàn toàn giống như quản lý và hạch toán tài sản cố định và được hạch toán như nguyên vật liệu. Điều này thể hiện rõ nhất ở khâu quản lý, tổ chức và hạch toán về hiện trạng công cụ lao động từ khi xuất dùng đến khi bị hư hỏng như phương pháp hạch toán giá trị hao mòn của công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Xuất phát từ vai trò quan trọng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng. Trong một chừng mực nào đó, giảm sức tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là cơ sở để tăng thêm sản phẩm mới cho xã hội, tiết kiệm được nguồn tài nguyên vốn không phải là vô tận.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong DN.

Trong nền kinh tế thị trường, kinh doanh có lãi là mục tiêu mà các doanh nghiệp hướng tới. Nguyên vật liệu là một yếu tố không thể thiếu của quá trình sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp. Giá trị nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ lệ lớn trong tổng chi phí sản xuất. Vì vậy, quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ lại thường xuyên biến động vì nó được thu mua ở nhiều nguồn, nhiều nơi khác nhau và xuất dùng cho nhiều đối tượng sử dụng cho nên để quản

lý được nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thúc đẩy việc cung ứng kịp thời, đồng bộ những vật liệu, công cụ dụng cụ cho sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành mua vật liệu để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất kinh doanh, chế tạo sản phẩm và các nhu cầu khác của doanh nghiệp. Xuất phát từ việc đó thì việc quản lý kiểm tra nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là điều kiện quan trọng không thể thiếu được. Đó là việc kiểm tra, giám sát chấp hành các định mức dự trữ tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, hạ thấp chi phí sản xuất giá thành sản phẩm.

Đồng thời qua việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ giúp cho kế toán nắm được một cách chính xác, kịp thời về số lượng, chất lượng và giá thành thực tế từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho, xuất kho. Tổ chức tốt công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ còn có tác dụng tính toán, kiểm tra giám sát và đôn đốc tình hình thu mua dự trữ, tiêu hao, qua đó phát hiện và xử lý kịp thời việc thừa thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất ngăn ngừa những trường hợp sử dụng lãng phí vật liệu, công cụ dụng cụ trên cơ sở cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Quản lý vật liệu từ khâu thu mua, bảo quản, sử dụng và dự trữ vật liệu, công cụ dụng cụ là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp.

Khâu thu mua: Để tránh nhầm lẫn trong công tác quản lý và hạch toán NVL trước hết các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình hệ thống danh điểm và đánh số danh điểm cho NVL, CCDC. Hệ thống danh điểm và số danh điểm phải rõ ràng, chính xác tương ứng với quy cách chủng loại NVL, CCDC. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào cần đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng, tiết kiệm chi phí. Việc tổ chức kho hàng bên bãi

trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo sao cho đủ về số lượng, đúng chủng loại, tốt về chất lượng, giá cả hợp lý, nhằm hạ thấp chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đưa vào sản xuất kinh doanh, góp phần quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm.

Khâu bảo quản: Cần xây dựng hệ thống kho tàng bền bỉ phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng loại NVL, CCDC. Bố trí nhân viên thủ kho có đầy đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý NVL, CCDC tồn kho và thực hiện các nghiệp vụ xuất kho. Thực hiện nguyên tắc bất kiêm nhiệm giữa thủ kho và kế toán vật tư. Để quá trình sản xuất kinh doanh được liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì doanh nghiệp phải dự trữ NVL, CCDC ở mức độ hợp lý. Do vậy doanh nghiệp phải xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng loại NVL, CCDC, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại NVL, CCDC. Định mức tồn kho NVL, CCDC còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua NVL, CCDC và kế hoạch tài chính của doanh nghiệp. Phải đảm bảo theo đúng chế độ quy định tổ chức hệ thống kho hợp lý, để từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ không thất thoát, hư hỏng kém phẩm chất, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Đảm bảo an toàn là một trong các yêu cầu quản lý NVL, CCDC.

Khâu dự trữ: Doanh nghiệp cần xác định các mức dự trữ tối đa, tối thiểu căn cứ vào yêu cầu của hoạt động sản xuất để tạo điều kiện cho quá trình sản xuất kinh doanh được diễn ra liên tục, không bị ngưng trệ, gián đoạn. Để đáp ứng được các yêu cầu quản lý sao cho đầy đủ chặt chẽ, chính xác phải áp dụng đúng đắn và đầy đủ về chế độ ghi chép ban đầu, mở các sổ kế toán, thẻ kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ theo đúng chế độ đúng phương pháp qui định, phù hợp với thực chất của mỗi cơ sở kiểm kê đánh giá.

Khâu sử dụng: Do chi phí nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh vì vậy cần sử dụng NVL,

CCDC đúng định mức tiêu hao, đúng chủng loại, phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng NVL, CCDC. Sử dụng NVL, CCDC tiết kiệm, hợp lý đảm bảo đúng định mức, đúng quy trình sản xuất kinh doanh nhằm giảm bớt chi phí trong giá thành sản phẩm. Nghiên cứu lập dự toán chi phí để xác định mức tiêu hao thấp nhất.

Do đó, công tác quản lý NVL, CCDC là rất quan trọng nhưng trên thực tế có những doanh nghiệp vẫn để thất thoát một lượng NVL, CCDC khá lớn do không quản lý tốt NVL, CCDC ở các khâu, không xác định được định mức tiêu hao hoặc có xu hướng thực hiện không đúng. Chính vì thế nên các doanh nghiệp phải luôn luôn cải tiến công tác quản lý NVL, CCDC cho phù hợp với thực tế.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán NVL, CCDC trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế phát triển nhiều thành phần các đơn vị sản xuất kinh doanh trong nước phải bám sát thị trường, tiến hành hoạt động mua bán hàng hoá theo cơ cấu tự hạch toán kinh doanh. Trong hoạt động kinh doanh các đơn vị phải thường xuyên tìm hiểu thị trường, nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của dân cư để có tác động tới phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của doanh nghiệp gồm nhiều loại, nhiều thứ phẩm cấp cho nên yêu cầu quản lý chung về mặt kế toán không giống nhau. Để cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin cho công tác quản lý NVL, CCDC trong các doanh nghiệp, kế toán NVL, CCDC phải thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời số lượng, chất lượng và giá thành thực tế của NVL, CCDC nhập kho.

- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị NVL, CCDC xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao.
- Phân bổ hợp lý giá trị NVL, CCDC sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập, xuất, tồn kho NVL, CCDC. Tính giá thực tế của NVL, CCDC đã mua. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua NVL, CCDC về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn,...nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ NVL, CCDC cho quá trình sản xuất kinh doanh.
- Áp dụng đúng đắn phương pháp hạch toán NVL, CCDC. Hướng dẫn và kiểm tra các phân xưởng, các phòng ban trong đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về NVL, CCDC.
- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ, sử dụng NVL, CCDC. Kiểm tra tình hình nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Phát hiện, ngăn ngừa, đề xuất các biện pháp xử lý NVL, CCDC thừa thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để hạn chế mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra.
- Tham gia kiểm kê và đánh giá NVL, CCDC theo chế độ quy định. Lập các bản báo cáo về NVL, CCDC. Phân tích kinh tế tình hình thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng NVL, CCDC nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp bao gồm nhiều loại khác nhau, có giá trị, công dụng, nguồn gốc hình thành khác nhau. Do vậy, cần thiết phải tiến hành phân loại NVL, CCDC nhằm tạo điều kiện cho việc hạch toán và quản lý NVL, CCDC.

1.1.5.1. Phân loại nguyên vật liệu.

Căn cứ vào vai trò, công dụng của NVL gồm có:

Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm, các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng NVL chính không giống nhau (ở doanh nghiệp cơ khí NVL chính là sắt, thép,... Ở doanh nghiệp sản xuất bánh thì NVL chính là bột mì, bột nở,...), có thể sản phẩm của doanh nghiệp này làm NVL cho doanh nghiệp khác, vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ không đặt ra khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính, phụ. Nguyên, vật liệu chính cũng bao gồm cả bán thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất chế tạo ra sản phẩm, hàng hoá (ví dụ như các doanh nghiệp có thể mua vải thô khác nhau về để nhuộm, in,...nhằm cho ra đời các loại vải khác nhau đáp ứng cho nhu cầu sử dụng.

- Nguyên liệu: là sản phẩm của ngành công nghiệp khai thác và các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
- Vật liệu: là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến.

Nguyên vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm mà có thể kết hợp với NVL chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình

thường như dầu nhờn, cúc áo, chỉ may, giẻ lau, xà phòng,... hoặc dùng cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

Nhiên liệu: Là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh gồm: xăng, dầu, than, củi, khí gas,...

Phụ tùng thay thế: Là các loại phụ tùng chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,...

Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm những vật liệu, thiết bị, công cụ, khí cụ, vật kết cấu dùng cho hoạt động xây lắp, đầu tư XD CB.

Vật liệu khác: Là các loại vật liệu chưa được sắp xếp vào các loại trên thường là những vật liệu được loại ra từ quy trình sản xuất hay phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

Ngoài ra tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và hạch toán chi tiết của doanh nghiệp mà trong từng loại nguyên vật liệu trên chia thành từng nhóm. Cách phân loại này chỉ mang tính chất tương đối, gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Có một số loại vật liệu phụ, có khi là phế liệu của doanh nghiệp này nhưng lại là vật liệu chính hoặc thành phẩm của một quá trình sản xuất kinh doanh khác. Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại NVL, là cơ sở tổ chức hạch toán chi tiết NVL trong doanh nghiệp.

Căn cứ vào nguồn hình thành, NVL gồm có:

Nguyên vật liệu mua ngoài: là nguyên vật liệu do doanh nghiệp mua ngoài mà có, thông thường mua của các nhà cung cấp.

Vật liệu tự chế biến: là vật liệu do doanh nghiệp sản xuất ra và sử dụng như là nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm.

Vật liệu thuê ngoài gia công: là vật liệu mà doanh nghiệp không tự sản xuất, cũng không phải mua ngoài mà là thuê các cơ sở gia công.

Nguyên, vật liệu nhận góp vốn liên doanh: là nguyên vật liệu do các bên liên doanh góp vốn theo thoả thuận trên hợp đồng liên doanh.

Nguyên, vật liệu được cấp: là nguyên vật liệu do đơn vị cấp trên cấp theo quy định,...

Cách phân loại này tạo tiền đề cho việc quản lý và sử dụng riêng các loại NVL từ các nguồn nhập khác nhau, do đó đánh giá được hiệu quả sử dụng NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hơn nữa còn đảm bảo được việc phản ánh nhanh chóng, chính xác số liệu hiện có và tình hình biến động từng loại nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Nhưng cách phân loại này không phản ánh được chi tiết từng loại nguyên vật liệu.

Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng NVL:

Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất.

Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác: như quản lý phân xưởng, quản lý doanh nghiệp, tiêu thụ sản phẩm,....

Với cách phân loại này doanh nghiệp sẽ nắm bắt được tình hình sử dụng NVL tại các bộ phận và cho các nhu cầu khác. Từ đó, điều chỉnh phù hợp với kế hoạch sản xuất, tiêu thụ,...

1.1.5.2. Phân loại công cụ dụng cụ

Phân loại theo phương pháp phân bổ (theo giá trị và thời gian sử dụng)

công cụ dụng cụ bao gồm:

- Loại phân bổ một lần
- Loại phân bổ hai lần
- Loại phân bổ nhiều lần

Phân loại theo yêu cầu quản lý và ghi chép kế toán CCDC gồm:

- Công cụ dụng cụ
- Bao bì luân chuyển
- Đồ dùng cho thuê

Phân loại theo vai trò của công cụ dụng cụ trong quá trình sản xuất kinh doanh có các loại:

- Dụng cụ gá lắp chuyên dùng cho sản xuất
- Dụng cụ đồ nghề
- Dụng cụ quản lý
- Dụng cụ quần áo bảo hộ lao động
- Khuôn mẫu đúc các loại
- Lán trại
- Các loại bao bì dùng đựng nguyên vật liệu, hàng hoá.

Ngoài ra có thể phân chia thành CCDC đang dùng và CCDC trong kho.

Tương tự như đối với vật liệu, trong từng loại CCDC cần được phân loại chi tiết hơn thành từng nhóm, từng thứ, tùy theo yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp.

1.1.6. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.1.6.1. Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nguyên tắc giá gốc và nguyên tắc thận trọng: Áp dụng điều 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ tài chính “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được”. Trong đó:

Giá gốc hàng tồn kho: bao gồm giá mua, chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán NVL ở các doanh nghiệp, NVL được tính theo giá thực tế.

Nguyên tắc thận trọng còn được thực hiện bằng cách trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật tư phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế sẽ trình bày thông tin kế toán trung thực và hợp lý hơn. Đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

1.1.6.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho.

Tính giá của NVL, CCDC nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá phí. NVL, CCDC nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của NVL, CCDC nhập kho được xác định khác nhau.

Đối với NVL, CCDC mua ngoài:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{của NVL,} \\ \text{CCDC mua} \\ \text{ngoài} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{Hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{thu} \\ \text{mua} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{CKTM, giảm} \\ \text{giá hàng mua} \\ \text{được thưởng} \end{array}$$

Đối với NVL, CCDC tự chế

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL, CCDC tự chế} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thành sản} \\ \text{xuất vật liệu} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí vận chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Đối với NVL, CCDC thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL, CCDC thuê} \\ \text{ngoài gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL, CCDC xuất} \\ \text{thuê ngoài gia} \\ \text{công chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{thuê ngoài} \\ \text{gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{vận} \\ \text{chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Đối với NVL, CCDC được cấp:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của NVL, CCDC được cấp} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá theo biên bản giao nhận} \end{array}$$

Đối với NVL, CCDC nhận góp vốn liên doanh:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của NVL, CCDC} \\ \text{nhận vốn góp liên doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị vốn góp do hội đồng liên} \\ \text{doanh đánh giá} \end{array}$$

Đối với NVL, CCDC được biếu tặng:

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị thực tế của NVL, CCDC} \\ \text{được biếu tặng, viện trợ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thị trường tại thời điểm nhận} \end{array}$$

Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của phế liệu thu hồi} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá có thể sử dụng lại hoặc giá có thể bán} \end{array}$$

1.1.6.3. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp được nhập thường xuyên và theo nhiều nguồn khác nhau. Do vậy giá thực tế của từng lần, đợt nhập không hoàn toàn giống nhau. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế hay theo phương pháp trực tiếp trên thuế GTGT và các doanh nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá thực tế của NVL, CCDC thực tế nhập kho lại càng có sự khác nhau trong từng lần nhập. Vì thế mỗi khi xuất kho, kế toán phải tính toán xác định được giá thực tế xuất kho cho các nhu cầu, đối tượng sử dụng khác nhau theo phương pháp tính giá thực tế xuất kho đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán. Để tính giá thực tế của NVL, CCDC xuất kho có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

Phương pháp tính giá thực tế đích danh: Theo phương pháp này thì vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được hay sử dụng với các loại vật tư có giá trị cao, có tính cách biệt. Phương pháp này còn có tên gọi là phương pháp đặc điểm riêng hay phương pháp trực tiếp.

Ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại. Công tác tính giá NVL, CCDC được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá NVL, CCDC xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL, CCDC.

Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật tư sẽ rất phức tạp. Đòi hỏi hệ thống kho tàng của doanh nghiệp phải cho phép bảo quản riêng từng lô NVL nhập kho.

Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cả kỳ dự trữ: Theo phương pháp này, trị giá vốn NVL, CCDC xuất kho được tính căn cứ vào số lượng NVL, CCDC xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư, hàng hoá khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

$$\text{Giá thực tế NVL, CCDC xuất kho} = \frac{\text{Số lượng NVL, CCDC thực tế xuất kho}}{\text{Đơn giá thực tế bình quân}} \times$$

Trong đó đơn giá bình quân có thể được tính như sau:

Đơn giá bình quân có thể được xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ.

Ưu điểm: Dễ làm, khối lượng công việc tính toán trong tháng sẽ giảm bớt.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác. Thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của NVL, CCDC xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân được xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn. Phương pháp này chỉ sử dụng được ở những doanh nghiệp có ít chủng loại NVL, CCDC và số lần nhập của mỗi loại không nhiều, thích hợp với các doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

Ưu điểm: Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời

Nhược điểm: Khối lượng công việc tính toán nhiều và phải tiến hành tính giá theo từng loại NVL, CCDC.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá NVL, CCDC sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng NVL, CCDC sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO): Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được sử dụng để làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Ưu điểm: Cho phép kế toán có thể tính giá NVL, CCDC xuất kho kịp thời. Phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ. Trong thời kỳ lạm phát phương pháp này sẽ cho lợi nhuận cao, do đó có lợi cho các công ty cổ phần khi báo cáo kết quả hoạt động trước các cổ đông làm cho giá các cổ phiếu của công ty tăng lên.

Nhược điểm: Phải tính giá theo từng danh điểm NVL, CCDC và phải hạch toán chi tiết NVL, CCDC tồn kho theo từng loại giá nên tốn nhiều công sức. Ngoài ra phương pháp này còn làm cho chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL, CCDC.

Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO): Theo phương pháp này NVL, CCDC được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu, công cụ dụng cụ nào nhập sau thì được sử dụng trước và tính theo đơn giá của lần nhập sau. Phương pháp này cũng được áp dụng đối với doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

Ưu điểm: Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL, CCDC. Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp trở nên chính xác hơn. Tính theo phương pháp này doanh nghiệp thường có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng tăng, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên Bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

Phương pháp giá hạch toán: Hiện nay nhiều doanh nghiệp không áp dụng xác định giá trị vật liệu xuất kho theo 4 cách trên mà áp dụng giá hạch toán để tính toán nhằm giảm bớt khối lượng công việc hàng ngày.

Giá hạch toán NVL, CCDC: là giá do doanh nghiệp tự quy định và được sử dụng thống nhất ở doanh nghiệp trong thời gian dài. Hàng ngày kế toán sẽ sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị NVL, CCDC nhập xuất tồn, cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL, CCDC để tính giá thực tế của NVL, CCDC xuất dùng trong kỳ để ghi sổ tổng hợp theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số chênh} \\ \text{lệch giữa giá} \\ \text{thực tế và giá} \\ \text{hạch toán của} \\ \text{NVL, CCDC} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL,} \\ \text{CCDC tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL,} \\ \text{CCDC nhập kho trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của NVL,} \\ \text{CCDC tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của NVL,} \\ \text{CCDC nhập kho trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL,} \\ \text{CCDC xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của} \\ \text{NVL, CCDC xuất} \\ \text{dùng trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa} \\ \text{giá thực tế và giá hạch} \\ \text{toán của NVL, CCDC.} \end{array}$$

Phương pháp tính giá theo giá hạch toán kết hợp chặt chẽ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp NVL, CCDC nên công việc tính toán được tiến hành nhanh chóng và không bị phụ thuộc vào số lượng danh điểm NVL, CCDC, số lượng nhập xuất của mỗi loại nhiều hay ít. Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại NVL, CCDC và đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao.

Ở mỗi phương pháp tính giá NVL, CCDC xuất kho đều có ưu nhược điểm riêng và có những điều kiện áp dụng phù hợp nhất định. Doanh nghiệp cần căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất, khả năng trình độ của cán bộ kế toán cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp mà đăng ký phương pháp tính giá thích hợp, đảm bảo nguyên tắc nhất quán trong các niên độ kế toán. Khi muốn thay đổi phải giải trình và đăng ký lại, đồng thời phải được thể hiện công khai trên báo cáo tài chính. Nhờ vậy có thể kiểm tra, đánh giá chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

1.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng

Để đáp ứng nhu cầu quản lý Doanh nghiệp, kế toán chi tiết NVL, CCDC phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, nhóm vật liệu và được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ.

Theo chế độ chứng từ kế toán qui định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính, các chứng từ kế toán bao gồm:

1. Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 –VT).
2. Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT).
3. Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
4. Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT).
5. Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
6. Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)
7. Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
8. Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL)
9. Hoá đơn bán hàng thông thường mẫu (Mẫu 02GTGT-3LL)
10. Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03PXK-3LL)

Tuỳ vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện khoa học. Mọi chứng từ phải được lập đầy đủ, kịp thời theo quyết định ban hành về mẫu biểu nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sau đây là một vài mẫu chứng từ, sổ sách kế toán NVL, CCDC:

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu S12-DN)

1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

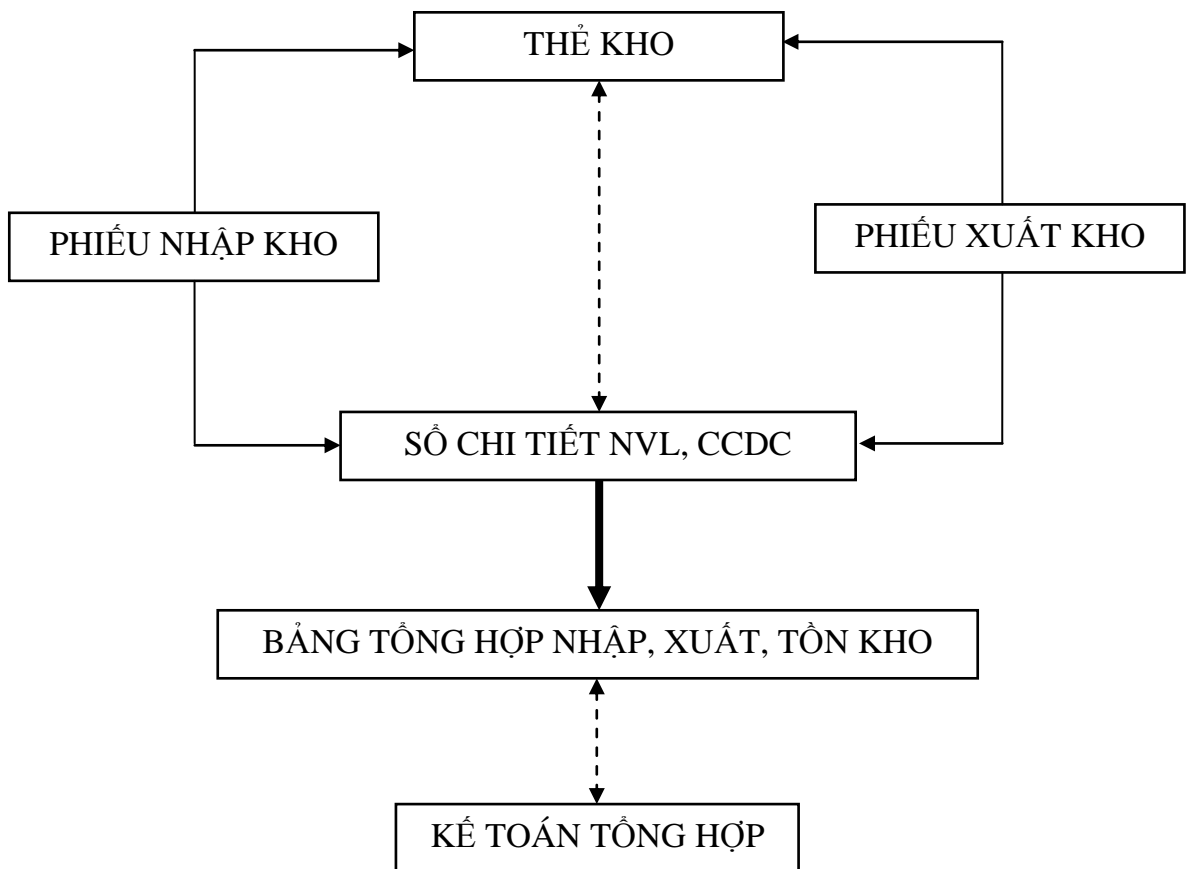
1.2.2.1. Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp thẻ song song

Nguyên tắc hạch toán:

Tai kho: Việc ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho NVL, CCDC hàng ngày do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi theo chỉ tiêu số lượng.

Tai phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết NVL, CCDC để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại NVL, CCDC theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Về cơ bản sổ kế toán chi tiết vật tư có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm cột giá trị.

Sơ đồ 1: Trình tự hạch toán theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

Tại kho: Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất NVL, CCDC thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho. Cuối ngày thủ kho tính ra số tồn kho và ghi vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi về phòng kế toán các chứng từ nhập xuất vật tư đã được phân loại theo từng loại NVL, CCDC.

Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn kho với số liệu thực tế tồn kho, thường xuyên đối chiếu số dư NVL, CCDC với định mức dự trữ và

cung cấp tình hình này cho bộ phận quản lý vật liệu được biết để có quyết định xử lý.

Tại phòng kế toán: Phòng kế toán mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL, CCDC có kết cấu giống như thẻ kho nhưng thêm các cột để theo dõi cả chỉ tiêu giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được chứng từ nhập xuất vật tư do thủ kho gửi lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị hoàn chỉnh của chứng từ và phản ánh vào các sổ chi tiết NVL, CCDC, mỗi chứng từ được ghi vào một dòng.

Cuối tháng vào các sổ chi tiết NVL, CCDC để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn NVL, CCDC và tiến hành đối chiếu so sánh số liệu giữa sổ kế toán chi tiết NVL, CCDC với thẻ kho của thủ kho, đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn với sổ kế toán tổng hợp, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, đồng thời cung cấp thông tin nhập xuất tồn kho của từng danh điểm vật tư kịp thời, chính xác.

Nhược điểm: Trùng lặp giữa kế toán và kho về mặt số lượng, chỉ áp dụng với những doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Điều kiện áp dụng: Thích hợp với doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Tuy nhiên nếu trong điều kiện doanh nghiệp đã áp dụng kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng vào những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Phương pháp này có khuynh hướng ngày càng được áp dụng rộng rãi bởi tính thuận tiện của nó cũng như việc áp dụng kế toán máy ngày càng được phổ biến trong các doanh nghiệp.

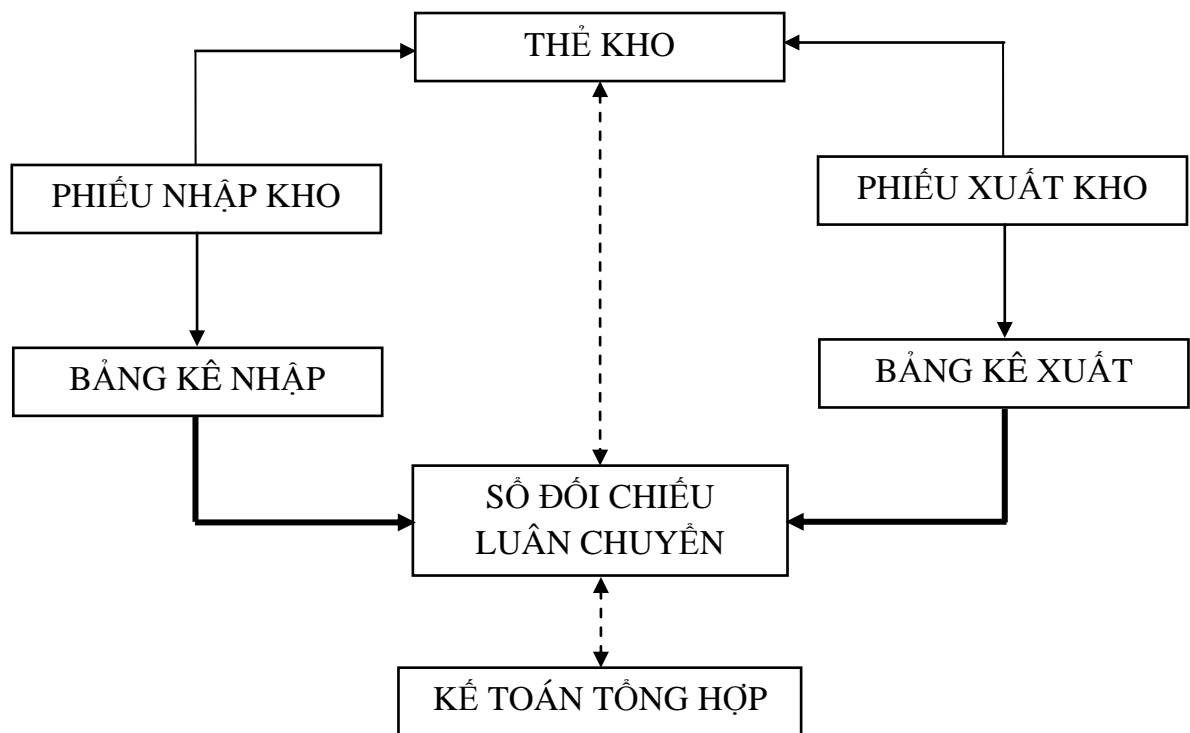
1.2.2.2. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Nguyên tắc hạch toán:

Tai kho: Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho và chỉ ghi chép về tình hình biến động của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về mặt số lượng.

Tai phòng kế toán: Sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi tổng hợp về số lượng và giá trị của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập xuất tồn trong tháng.

Sơ đồ 2: Trình tự hạch toán theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu

Tại kho: Theo phương pháp đối chiếu luân chuyển thì việc ghi chép của thủ kho cũng được tiến hành trên thẻ kho như phương pháp thẻ song song.

Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở từng kho. Sổ được mở cho cả năm nhưng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi về cả chỉ tiêu số lượng và giá trị. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và với số liệu của sổ kế toán tổng hợp.

Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

Nhược điểm: Phương pháp này vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

Điều kiện áp dụng: Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế.

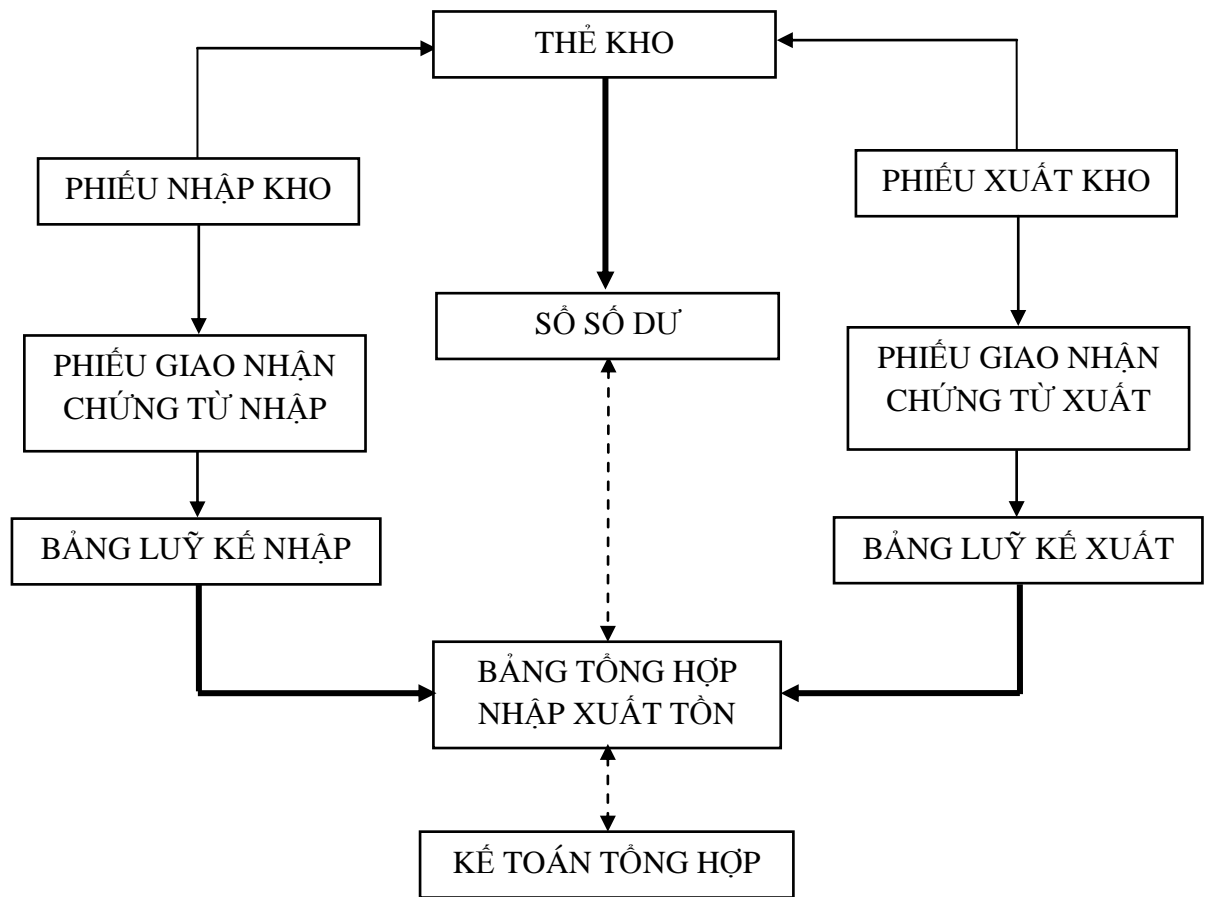
1.2.2.3. Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp sổ số dư

Nguyên tắc hạch toán:

Tại kho: Thủ kho chỉ theo dõi tình hình nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo chỉ tiêu hiện vật.

Tại phòng kế toán: Theo dõi tình hình nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo từng nhóm, từng loại vật liệu theo chỉ tiêu giá trị.

Sơ đồ 3: Trình tự hạch toán theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép số lượng NVL, CCDC nhập xuất kho. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh theo từng NVL, CCDC quy định. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất NVL, CCDC.

Ngoài ra thủ kho còn phải ghi số lượng NVL, CCDC tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm NVL, CCDC vào sổ số dư. Sổ số dư được kế

toán mở cho từng kho trước ngày kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ và được dùng cho cả năm. Ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

Tại phòng kế toán: Định kỳ nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ (giá hạch toán) tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm nguyên vật liệu (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kê nhập - xuất - tồn kho NVL, CCDC. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Tiếp đó, cộng trừ số tiền nhập xuất trong tháng và số dư cuối tháng của từng nhóm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột số tiền trên sổ số dư.

Ưu điểm:

Phương pháp này giúp giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và ghi theo nhóm NVL, CCDC.

Đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.

Khối lượng công việc được dồn đều trong tháng.

Nhược điểm:

Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ NVL, CCDC nên dễ theo dõi thông tin về tình hình nhập xuất tồn của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì phải căn cứ vào thẻ kho.

Việc kiểm tra, phát hiện sai sót giữa phòng kế toán và kho là phức tạp.

Điều kiện áp dụng:

Áp dụng đối với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên.

Áp dụng đối với những doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và hệ thống danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hợp lý. Các cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng.

1.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho của Doanh nghiệp, nó được nhập xuất kho thường xuyên liên tục. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm NVL, CCDC của từng doanh nghiệp có các phương pháp kiểm kê khác nhau. Có doanh nghiệp kiểm kê theo từng nghiệp vụ nhập xuất, nhưng cũng có những doanh nghiệp chỉ kiểm kê một lần vào thời điểm cuối kỳ. Tương ứng với hai phương pháp kiểm kê trên, trong kế toán tổng hợp NVL, CCDC nói riêng, hàng tồn kho nói chung có hai phương pháp là:

- Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Việc tính giá thực tế NVL, CCDC nhập kho là như nhau đối với cả hai phương pháp, nhưng giá xuất kho vật tư lại khác nhau.

Theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá thực tế vật liệu xuất kho được căn cứ vào các chứng từ xuất kho sau khi đã tập hợp phân loại theo đối tượng sử dụng để ghi sổ kế toán.

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, giá trị vật liệu xuất dùng lại căn cứ vào giá trị thực tế tồn kho đầu kỳ, mua (nhập) trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ tính theo công thức:

$$\text{Trị giá NVL, CCDC xuất kho} = \text{Trị giá NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL, CCDC nhập kho} - \text{Trị giá NVL, CCDC tồn kho cuối kỳ}$$

1.2.3.1. *Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên*

Đặc điểm:

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Phương pháp này hiện nay được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những tiện ích của nó, tuy nhiên những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá có giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán mà áp dụng phương pháp này sẽ tốn rất nhiều công sức. Dù vậy phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời. Theo phương pháp này, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập xuất tồn của từng loại NVL, CCDC nói riêng và hàng tồn kho nói chung. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế vật tư hàng hoá tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu tồn trên sổ kế toán để xác định số lượng vật tư thừa, thiếu và tìm nguyên nhân để có biện pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp có quy mô lớn, sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau với số lượng lớn, giá trị cao.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 152: Nguyên vật liệu

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động về các loại nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp theo giá trị vốn thực tế. TK 152 có thể mở sổ chi tiết và tài khoản chi tiết cho từng loại, nhóm, thứ vật liệu tùy theo phương diện quản lý và hạch toán của từng đơn vị.

BÊN NỢ TK 152 phản ánh:

- Trị giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.

- Trị giá NVL thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của NVL tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

BÊN CÓ TK 152 phản ánh:

- Trị giá thực tế của NVL xuất kho dùng cho sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá NVL trả lại người bán hoặc được giảm giá khi mua hàng.
- Chiết khấu thương mại NVL khi mua được hưởng.
- Trị giá NVL hao hụt mất mát phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển giá trị thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

SỐ DƯ BÊN NỢ TK 152: Trị giá thực tế NVL tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 153: Công cụ dụng cụ

Tài khoản này được dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động về các loại CCDC trong kho của doanh nghiệp theo giá trị vốn thực tế. Có thể mở sổ chi tiết và tài khoản chi tiết cho tài khoản 153.

BÊN NỢ TK 153:

- Trị giá thực tế của CCDC nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá CCDC thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của CCDC tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

BÊN CÓ TK 153 phản ánh:

- Trị giá thực tế của CCDC xuất kho dùng cho sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá CCDC trả lại người bán hoặc được giảm giá khi mua hàng.

- Chiết khấu thương mại CCDC khi mua được hưởng.
 - Trị giá CCDC hao hụt mất mát phát hiện khi kiểm kê.
 - Kết chuyển giá trị thực tế của CCDC tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán HTK kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).
- SỐ DƯ BÊN NỢ TK 153: Trị giá thực tế CCDC tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại NVL mua ngoài mà Doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán và thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp nhưng chưa về kho của doanh nghiệp mà còn đang trên đường vận chuyển ở cảng hay bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho hoặc hàng đi đường tháng trước tháng này nhập kho.

BÊN NỢ TK 151:

- Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường.
- Kết chuyển trị giá hàng hoá, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

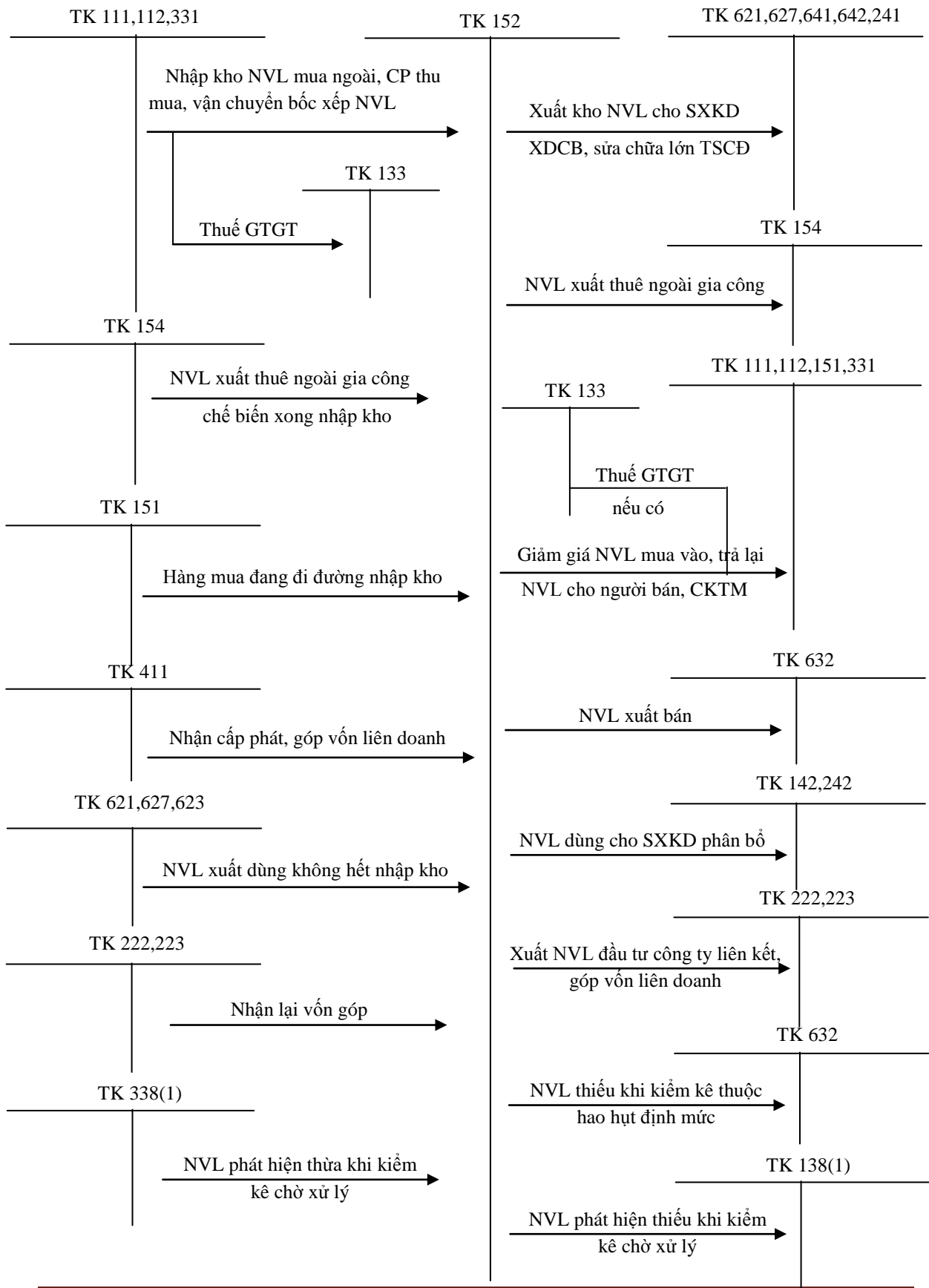
BÊN CÓ TK 151:

- Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển thẳng cho khách hàng.
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

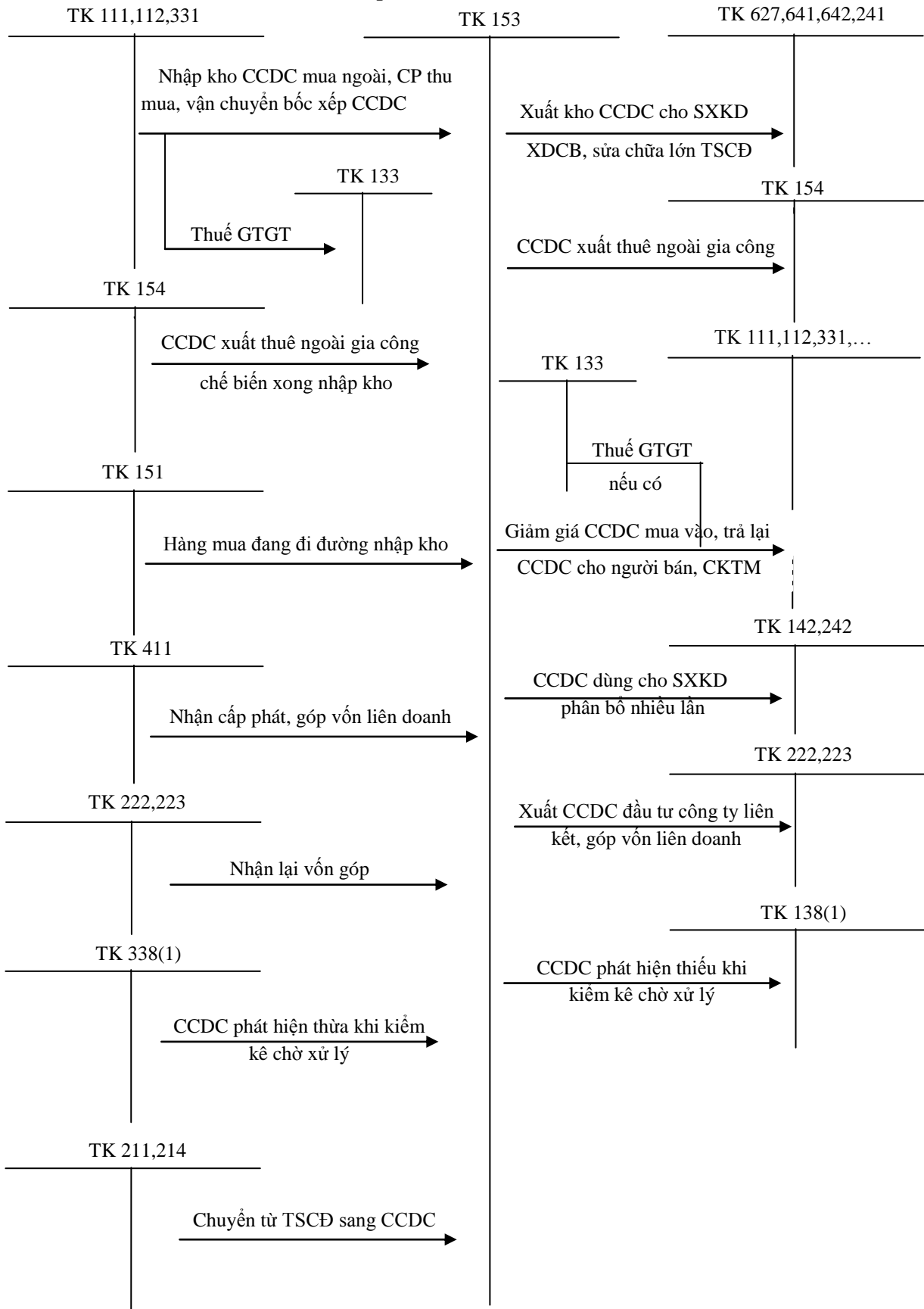
SỐ DƯ BÊN NỢ: Trị giá hàng hoá vật tư đã mua nhưng chưa về nhập kho đơn vị, còn đang đi đường.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản như TK 331, TK 621, TK 627, TK 642, TK 142, Tk 242, Tk 241, TK 111, TK 112, TK 141, TK 138,...

Sơ đồ 4: Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:



Sơ đồ 5: Hạch toán tổng hợp CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên. tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:



Hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Đối với các nghiệp vụ kế toán hạch toán tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng giống như phương pháp khấu trừ, nhưng chỉ khác ở chỗ giá mua vào của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho đã bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán cho nhà cung cấp).

1.2.3.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Đặc điểm:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình biến động của các loại vật tư, sản phẩm, hàng hoá trên các tài khoản phản ánh hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn đầu kỳ và cuối kỳ trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ. Việc xác định giá trị NVL, CCDC xuất dùng trên các TK kế toán tổng hợp không căn cứ vào chứng từ xuất kho mà căn cứ vào giá trị thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ. Bởi vậy trên tài khoản không thể hiện rõ giá trị NVL, CCDC xuất dùng cho từng đối tượng hay nhu cầu khác nhau. Giá trị NVL, CCDC nhập kho, xuất kho được theo dõi trên TK 611 “Mua hàng”. Mặc dù tiết kiệm được công sức ghi chép nhưng độ chính xác của phương pháp kiểm kê định kỳ không cao. Vì thế phương pháp kiểm kê định kỳ chỉ thích hợp với các đơn vị kinh doanh những loại vật tư, hàng hoá có giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 152: Nguyên vật liệu (Kê cấu, nội dung như đã nêu ở trên).

Tài khoản 153: Công cụ dụng cụ (Kê cấu, nội dung như đã nêu ở trên).

Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường (Kết cấu và nội dung như đã nêu ở trên)

Tài khoản 611: Mua hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá NVL, CCDC mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

BÊN NỢ TK 611:

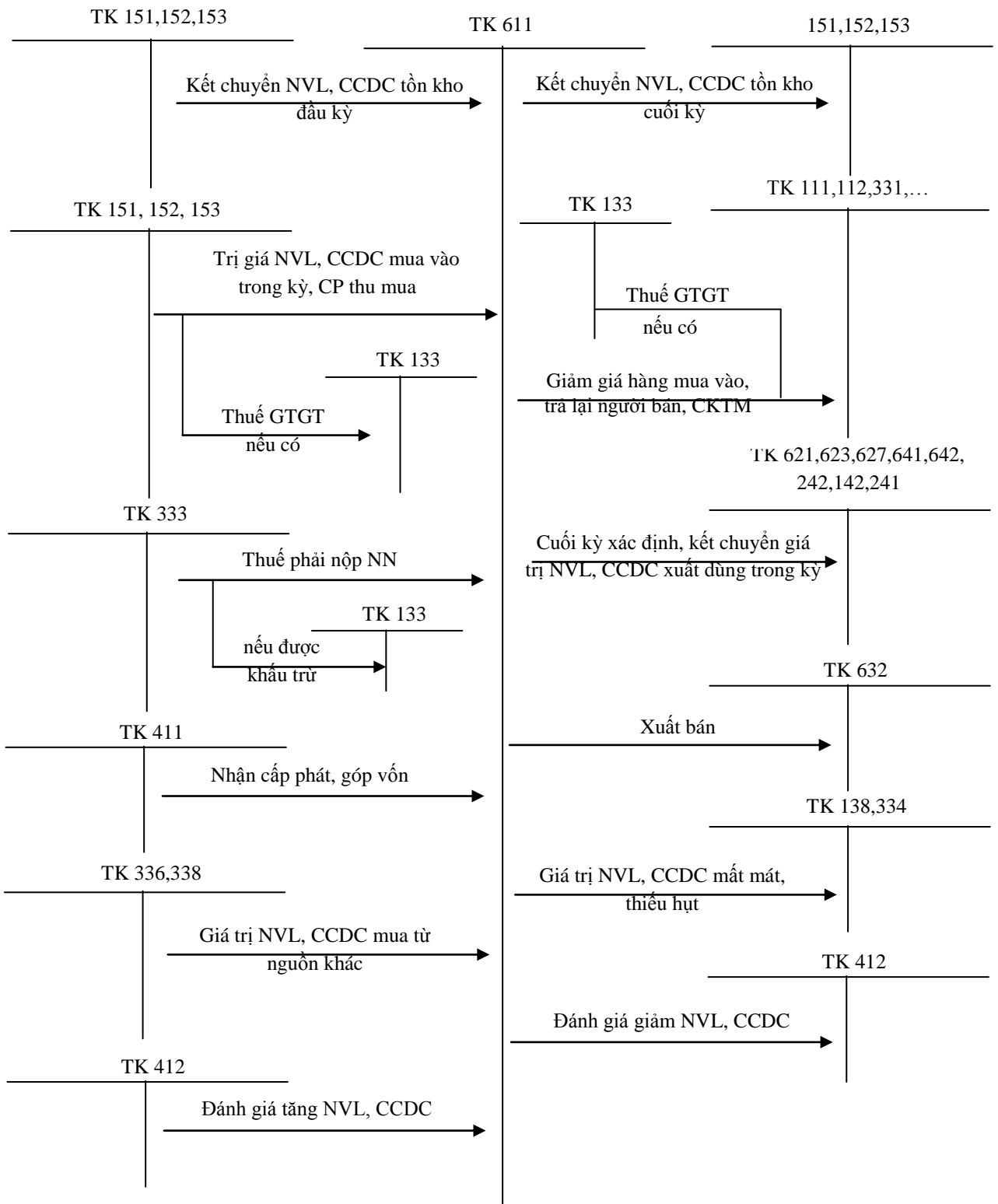
- Kết chuyển giá gốc NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê)
- Giá gốc NVL, CCDC mua vào trong kỳ.

BÊN CÓ TK 611:

- Kết chuyển giá gốc NVL, CCDC tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê)
 - Giá gốc NVL, CCDC xuất sử dụng trong kỳ.
 - Giá gốc NVL, CCDC mua vào trả lại người bán hoặc được giảm giá
- SỐ DƯ:** Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra cũng giống như phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ cũng sử dụng các tài khoản như tài khoản: TK 111, TK 112, TK 128, TK 641, TK 642, TK 621,....

Sơ đồ 6: Hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp KKĐK



1.3. Các hình thức kế toán và chứng từ sổ sách sử dụng trong DN.

Theo chế độ kế toán hiện hành của Bộ tài chính ban hành ở nước ta hiện nay, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Mỗi hình thức kế toán đều có những ưu, nhược điểm riêng và điều kiện áp dụng cho từng loại vùng doanh nghiệp. Tuy nhiên, các doanh nghiệp phải căn cứ vào qui mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ của đội ngũ kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức kế toán đó.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký chung theo trình tự nội dung phát sinh và nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ chủ yếu được sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài

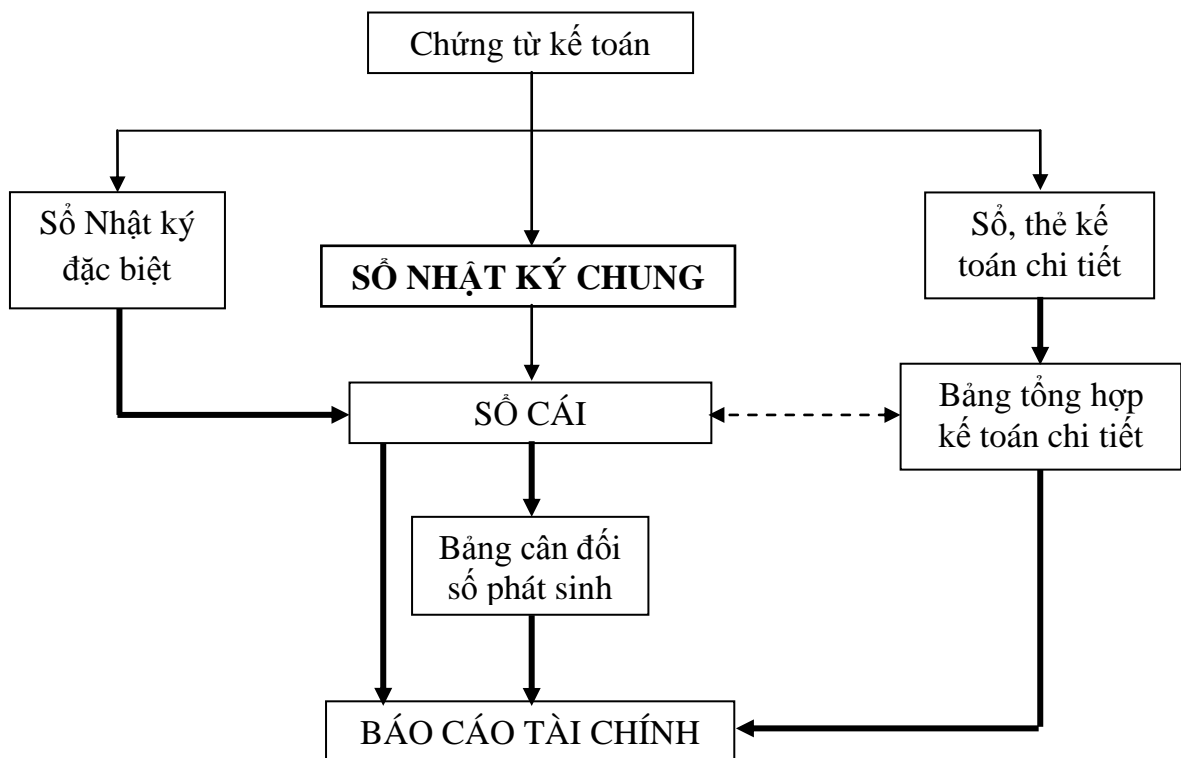
khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ nhật ký chung cùng kỳ.

Sơ đồ 7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ chủ yếu được sử dụng:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra để dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả hai phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc theo định kỳ.

Cuối tháng sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ cái.

Khi kiểm tra đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong sổ Nhật ký - Sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

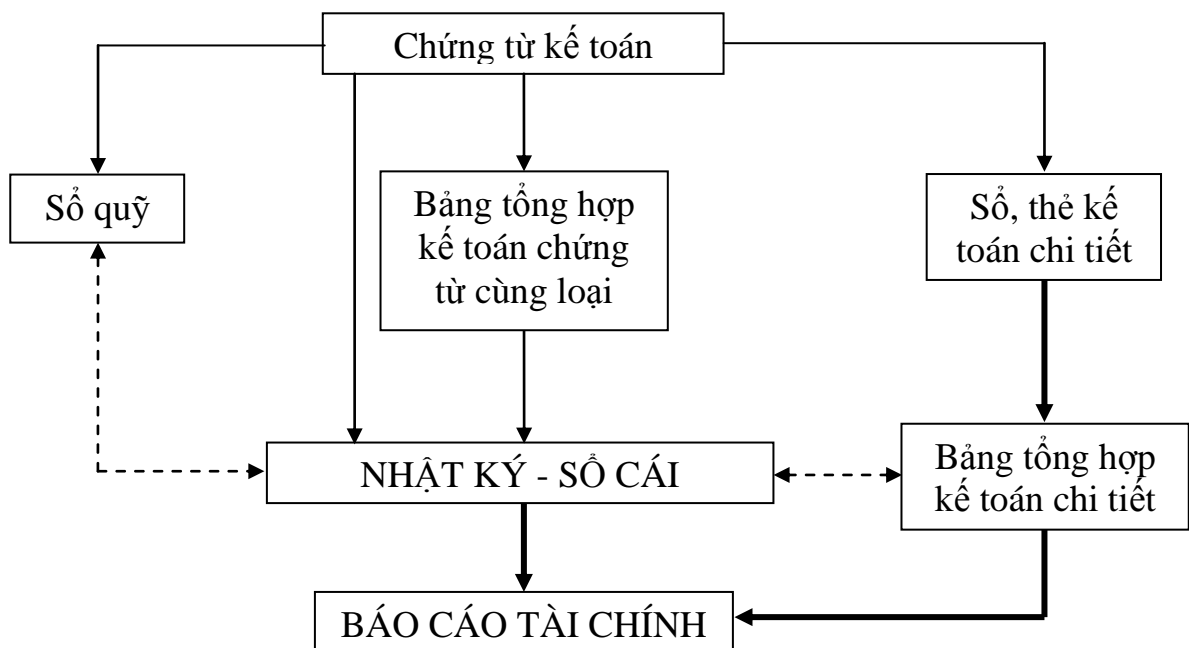
$$\begin{matrix} \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số phát sinh Nợ} & & \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{phát sinh ở phần nhật ký} & = & \text{của tất cả các TK} & = & \text{Có của tất cả các TK} \end{matrix}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng loại tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và số dư cuối tháng của từng tài khoản trên sổ Nhật ký - Sổ cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu

1.3.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các loại sổ chủ yếu được sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

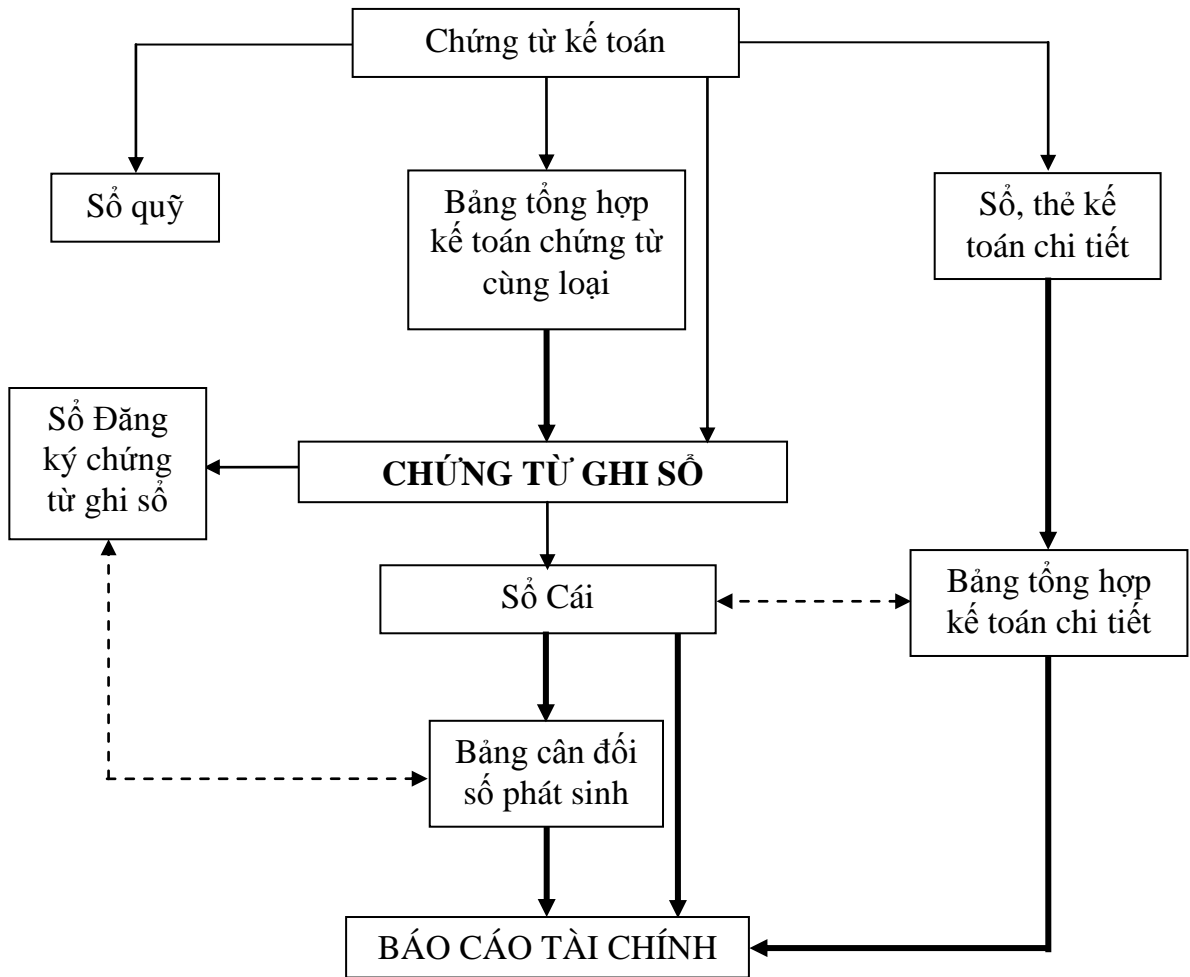
Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ để lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu số liệu khớp, đúng với số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản:

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Các loại sổ sách chủ yếu được sử dụng:

- Nhật ký - Chứng từ
- Bảng kê
- Sổ Cái
- Các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các NKCT hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào bảng kê và nhật ký chứng từ có liên quan.

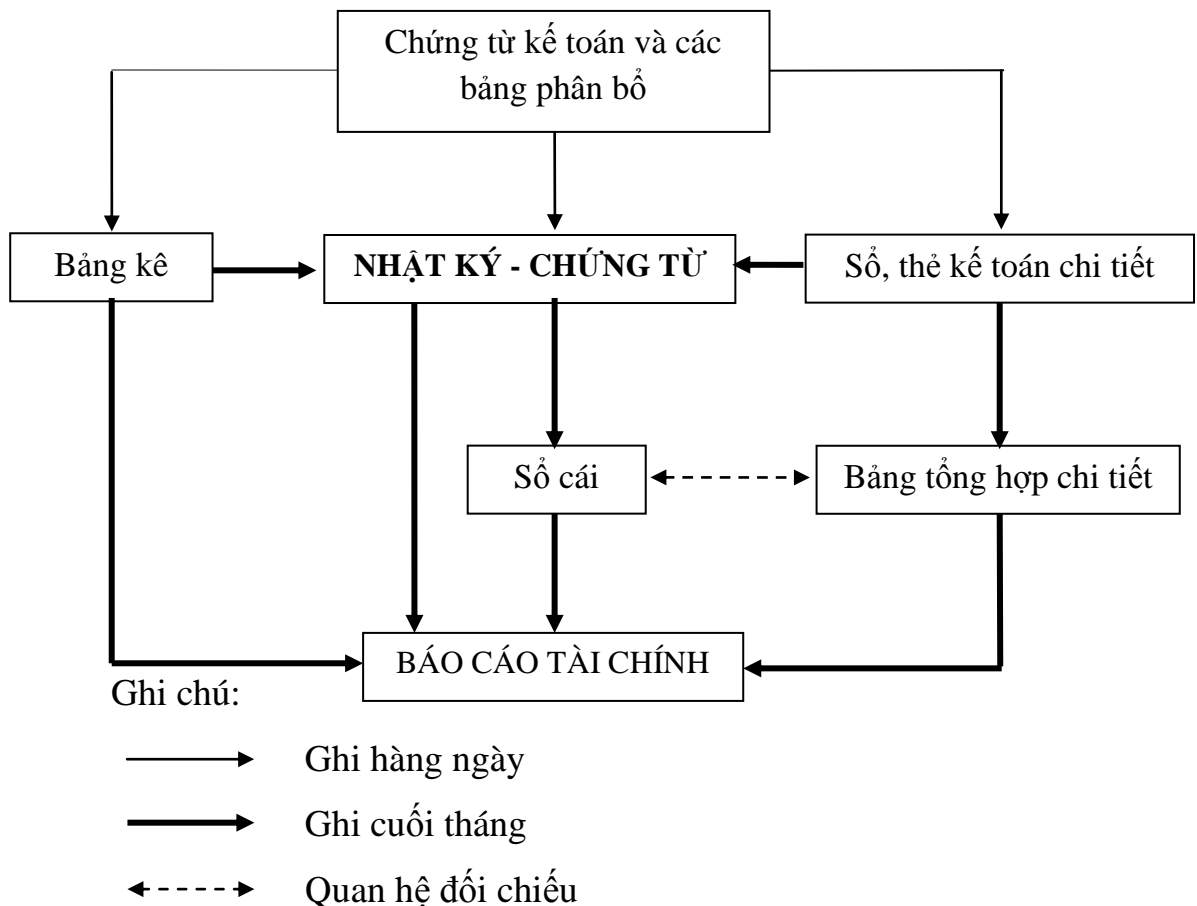
Đối với các Nhật ký chứng từ được ghi căn cứ vào các bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của Bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết để lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng TK để đối chiếu với sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở sổ Cái và một chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ, Bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập BCTC.

Sơ đồ 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán qui định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ qui trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo qui định.

Các loại sổ chủ yếu được sử dụng:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

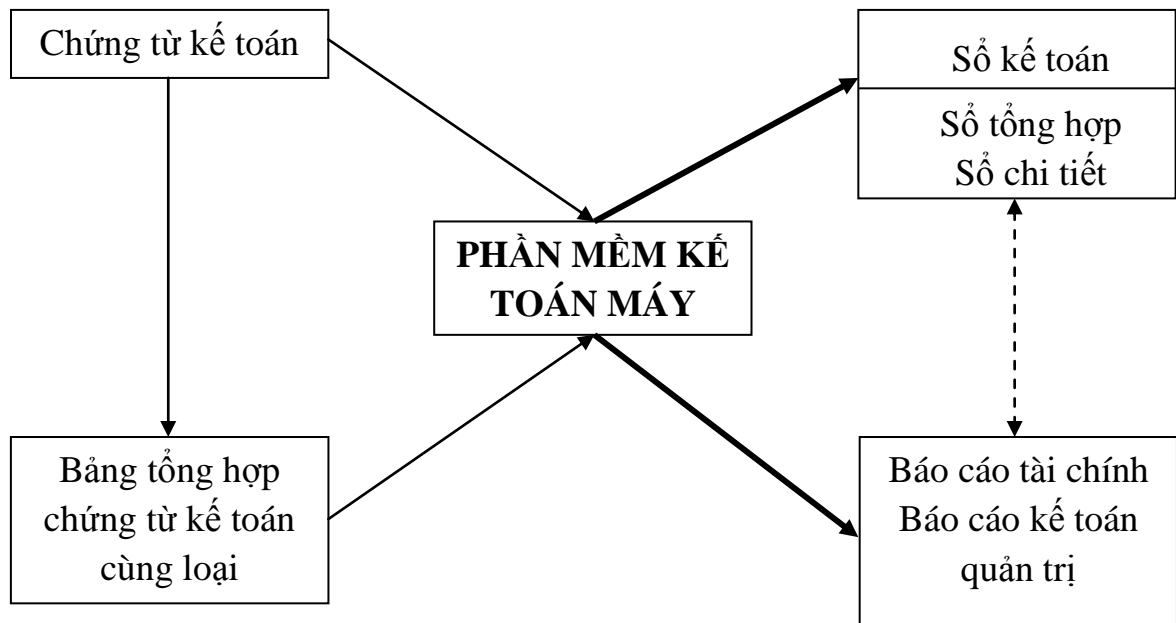
Theo qui trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) với lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và các sổ kế toán chi tiết được in ra giấy đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức KT trên máy vi tính.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG II:

MÔ TẢ VÀ PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT & VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần lai dắt và vận tải Cảng HP

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Từ 02/2010 trở về trước: Công ty là một Chi nhánh của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng, hạch toán phụ thuộc có nhiệm vụ kinh doanh một số ngành nghề như: Lai dắt đưa tàu cập bến, cứu hộ phương tiện thủy, bốc xếp hàng hoá, bảo quản, giao nhận hàng hoá, chuyển tải hàng hoá, vận tải hàng hoá đường thủy nội địa....

Theo quyết định 874/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, Công ty cổ phần lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước – Chi nhánh công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng – Xí nghiệp xếp dỡ và vận tải thủy.

Trong năm 2010, căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0201040588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 1 vào ngày 01 tháng 03 năm 2010, kể từ đó, công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng. Đây là bước ngoặt lớn, đánh dấu sự phát triển mới của công ty, với:

- Tên gọi: Công ty cổ phần lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng
- Tên giao dịch quốc tế: HaiPhong Port tugboat and Transport Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: HP TUGTRANCO.
- Trụ sở chính: Số 4 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng.

- Điện thoại: 031.3569.527.
- Fax: 031.3569.527 hoặc 031.3569.551.
- Website: www.tugtranco.vn
- E-mail: info@tugtranco.vn

Ngày 29/10/2010, Công ty đã đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước để trở thành công ty đại chúng.

2.1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là: Kinh doanh DV, bao gồm:

1. Bốc xếp hàng hoá;
2. Dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng hoá;
3. Dịch vụ chuyên tải hàng hoá;
4. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
5. Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
6. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
7. Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ;
8. Dịch vụ vận tải hàng hoá đường thuỷ;
9. Cho thuê tàu lai;
10. Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thuỷ;
11. Hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến;
12. Trục vớt tàu thuyền;
13. Dịch vụ đại lý tàu biển;
14. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
15. Đại lý ký gửi hàng hoá :không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm
16. Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá;

17. Cung ứng thuyền viên: không bao gồm cung ứng thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài;
18. Khai thác cảng;
19. Kinh doanh kho bãi.

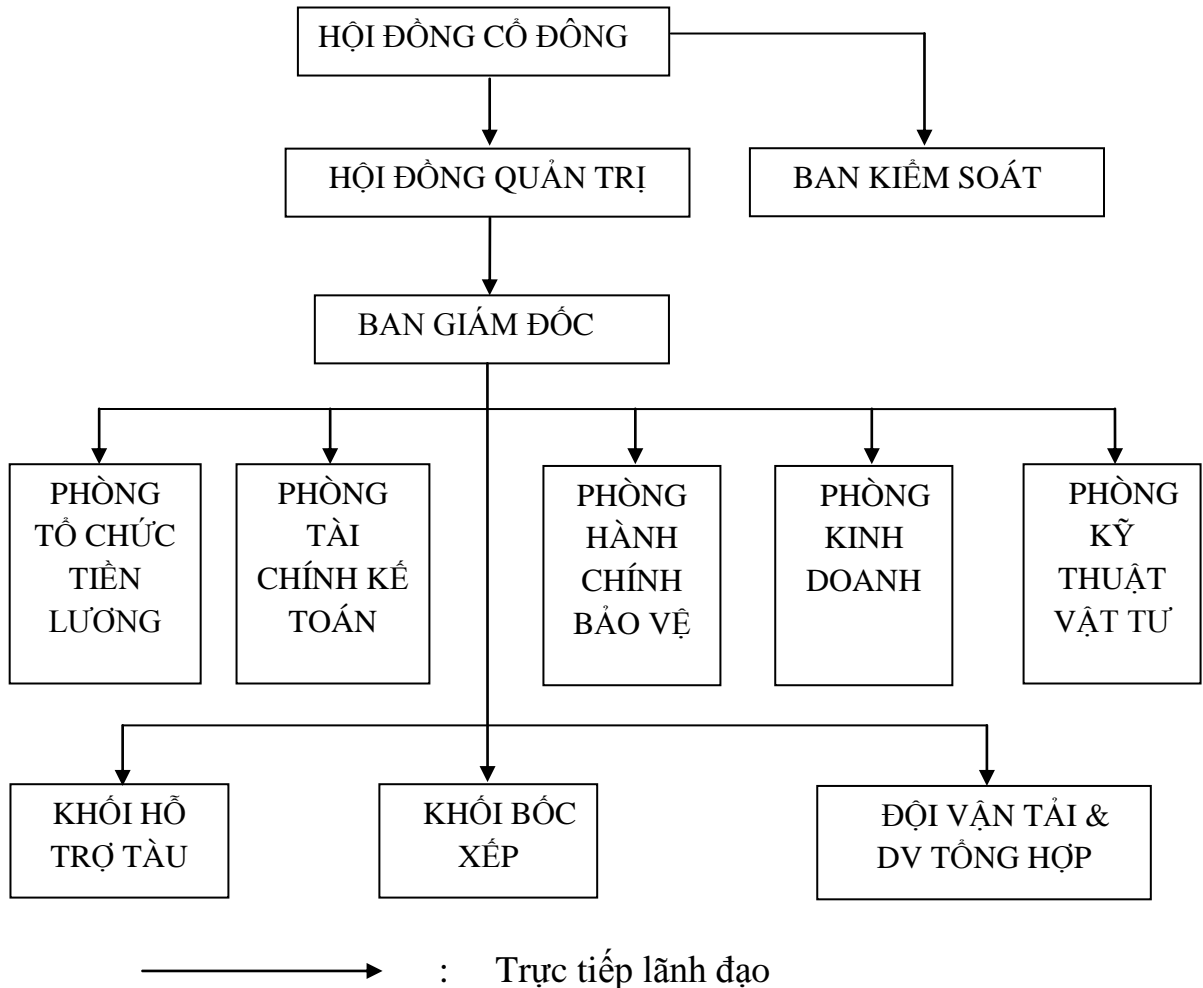
2.1.2.2. Địa bàn kinh doanh

1. Cảng chính và các cảng lân cận ở Hải Phòng.
2. Địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2.1.3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức của công ty

Sơ đồ 12: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.



2.1.3.2. Cơ cấu và hoạt động

❖ Hội đồng cổ đông:

Là cơ quan quyền lực quyết định cao nhất. Công ty hoạt động thông qua các cuộc họp Hội đồng cổ đông. Hội đồng cổ đông có quyền bầu, bổ sung, bãi miễn thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát.

❖ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành. Hội đồng quản trị họp định kỳ để đánh giá sơ kết

tình hình hoạt động của công ty và đề ra các giải pháp phù hợp với điều kiện mới, triển khai các dự án đầu tư đảm bảo cho đúng với Pháp luật.

- **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát họp định kỳ 6 tháng 1 lần để kiểm tra BCTC và hoạt động của Công ty.

- **Ban giám đốc:**

Ban giám đốc Công ty gồm 04 thành viên: 01 Giám đốc, 03 phó giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động kinh doanh của công ty; triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị công ty.

- **Các phòng ban:**

Giúp việc cho ban lãnh đạo, trực tiếp quản lý các đơn vị trực thuộc.

- **Các khối hỗ trợ tài, khối bốc xếp, đội vận tải và dịch vụ tổng hợp:**

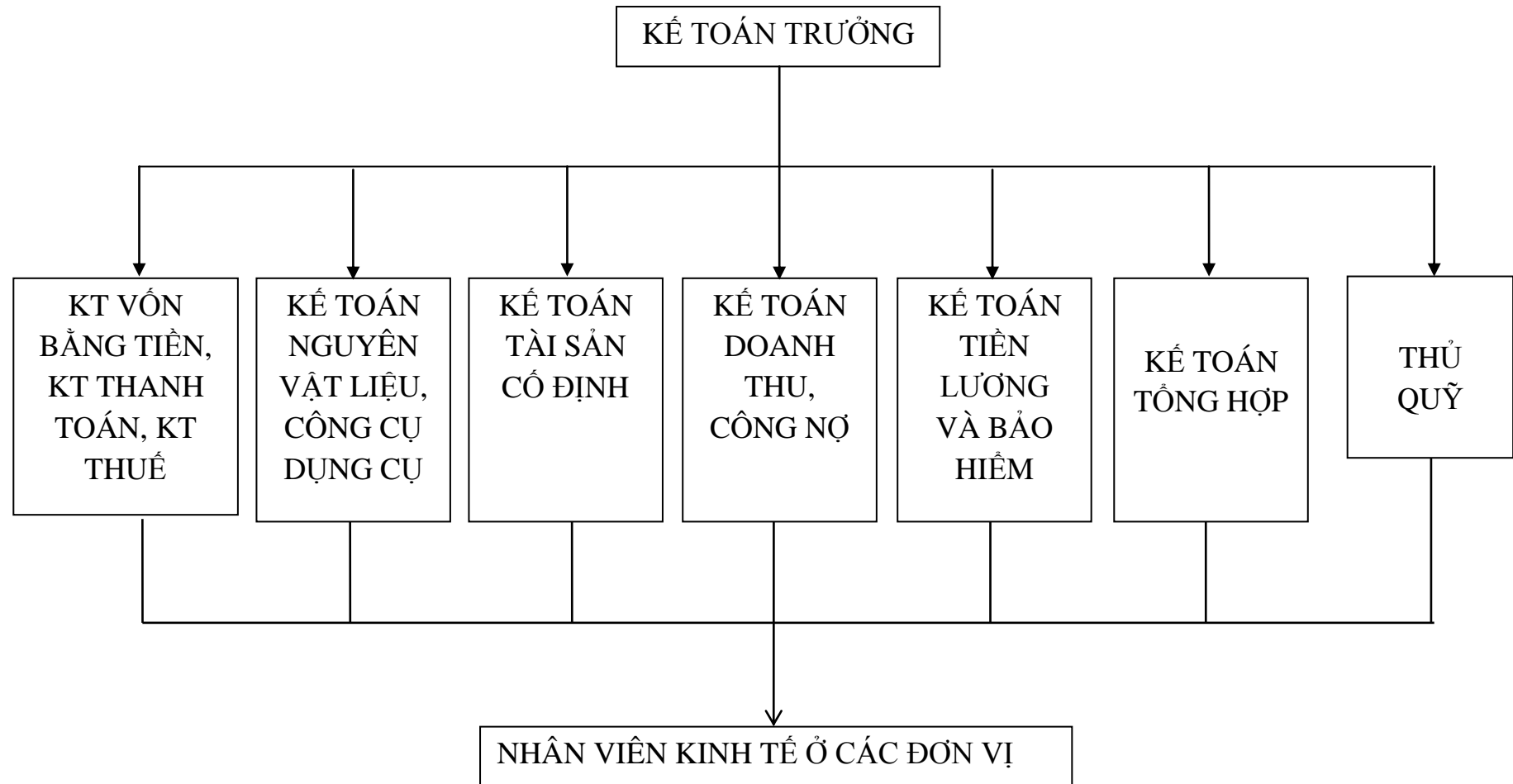
Là các khối sản xuất trực tiếp, thực hiện các dịch vụ do công ty cung cấp theo yêu cầu của khách hàng, dưới sự quản lý và chỉ đạo của cấp trên.

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, hình thức, chuẩn mực, chế độ, phương pháp và chính sách kế toán áp dụng tại công ty

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 13: Tổ chức bộ máy kế toán

—————→ : Trực tiếp lãnh đạo



Kế toán trưởng :

Có nhiệm tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, chỉ đạo trực tiếp toàn bộ nhân viên kế toán trong công ty, tham mưu cho ban giám đốc về các hoạt động kinh doanh, tổ chức kiểm tra kế toán nội bộ trong công ty .Khi quyết toán được lập xong, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh và phân tích, giải thích kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu ghi trong bảng quyết toán, nộp đầy đủ, đúng hạn các BCTC theo quy định.

Kế toán vốn bằng tiền, thanh toán, kế toán thuế:

Theo dõi về thu, chi, các khoản vốn vay, TGNH, các khoản thu chi phát sinh hàng ngày bằng tiền mặt,séc,...

Theo dõi các khoản phải trả nhà cung cấp, lập các chứng từ thanh toán bằng chuyển khoản. Ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác và rõ ràng các nghiệp vụ thanh toán theo đối tượng, từng khoản thanh toán có kết hợp với thời hạn thanh toán (theo Hợp đồng).

Theo dõi, tập hợp các khoản thuế trong kỳ, cuối kỳ lập báo cáo thuế.

Kế toán nguyên vật liệu, CCDC:

Lập phiếu nhập, xuất kho mỗi khi nhập hay xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vào sổ chi tiết, theo dõi nhập xuất tồn kho theo từng mặt hàng có trong kho. Định kỳ đối chiếu kiểm kê giữa kho và sổ theo dõi tồn kho. Sau khi kiểm kê ghi lại kết quả vào biên bản kiểm kê.

Kế toán TSCĐ:

Thực hiện kế toán Tài sản cố định, phản ánh sự biến động của Tài sản cố định trong năm, theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến chi phí sửa chữa Tài sản cố định.

Kế toán Doanh Thu, công nợ:

Kế toán doanh thu có nhiệm vụ xác định doanh thu tiêu thụ trong kỳ. Kế toán công nợ theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Thu nhận, theo dõi, ghi chép, xử lý các nghiệp vụ phát sinh doanh thu và công nợ.

Thủ quỹ :

Quản lý quỹ tiền mặt của công ty, thu và chi tiền mặt khi có lệnh. Hàng ngày, hàng tháng phải kiểm kê quỹ và đối chiếu với sổ sách các bộ phận có liên quan.

Kế toán tiền lương và Bảo hiểm:

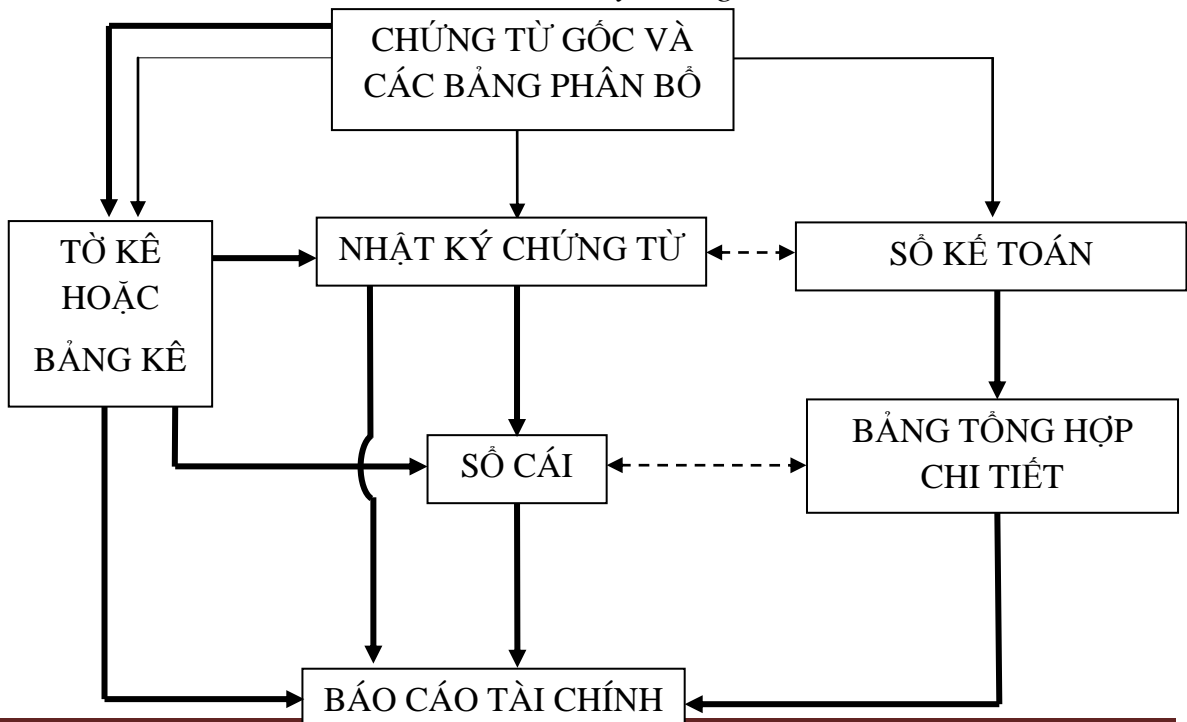
Hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Kế toán tổng hợp:

Thay thế kế toán trưởng kí duyệt các chứng từ trước khi thanh toán, kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí để tính kết quả kinh doanh, lập báo cáo quyết toán.

2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty: Nhật ký chứng từ

Sơ đồ 14: Hình thức kế toán nhật ký chứng từ.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu

2.1.4.3. Chuẩn mực, chế độ, phương pháp và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Phương pháp kế toán áp dụng: Phương pháp kê khai thường xuyên

Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty

❖ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng tiền Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo quy định.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

❖ **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định trị giá xuất hàng tồn kho.

Giá trị xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp KCTX để hạch toán hàng tồn kho.

❖ **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải	5 – 15 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 7 năm
Các tài sản khác	4 – 7 năm

❖ **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh

thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

❖ ***Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

❖ ***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp DV đó

Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ ***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính

Chi phí cho vay và đi vay vốn

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

❖ ***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 25%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên số thuế thu nhập được tính trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ sang các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

❖ *Phương pháp hạch toán thuế GTGT*: Phương pháp khấu trừ thuế GTGT.

2.2. Thực trạng công tác kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dắt và vận tải cảng Hải Phòng

2.2.1. Tổ chức quản lý Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dắt và vận tải cảng Hải Phòng

2.2.1.1. Phân loại Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dắt và vận tải cảng HP.

Nguyên vật liệu được chia là 3 loại:

1. Vật tư: ví dụ như găng tay, son,... là những vật tư được thay mới mà không cần lấy lại vật tư cũ đã hỏng.
2. Nhiên liệu: như xăng, dầu, nhớt,... là những vật tư sử dụng cho việc vận hành máy móc. Đây là loại vật tư chủ yếu được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
3. Phụ tùng thay thế: như bình ắc quy,...là những vật tư cũ cần được thay thế, và khi vật tư được thay mới phải thu hồi lại vật tư cũ đã hỏng.

Công cụ dụng cụ được chia làm 2 loại:

1. CCDC phân bổ một lần
2. CCDC phân bổ nhiều lần

Tài khoản sử dụng

Số hiệu	Tên Tài khoản
152	Nguyên vật liệu
152.2	Vật tư
152.3	Nhiên liệu
152.4	Phụ tùng thay thế
153	Công cụ dụng cụ

2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Tính giá NVL, CCDC nhập kho:

Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng tính giá nhập kho NVL, CCDC theo giá thực tế, là giá mua thực tế không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị NVL,} & & \text{Giá mua} & & \text{Các khoản} & \text{CKTM,} \\ \text{CCDC nhập} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thuế không} & \text{Giảm giá} \\ \text{kho} & & \text{hoá đơn} & + & \text{được hoàn lại} & \text{hàng mua} \\ & & & & & \text{Chi phí thu} \\ & & & & & \text{mua} \end{array}$$

Tính giá NVL, CCDC xuất kho:

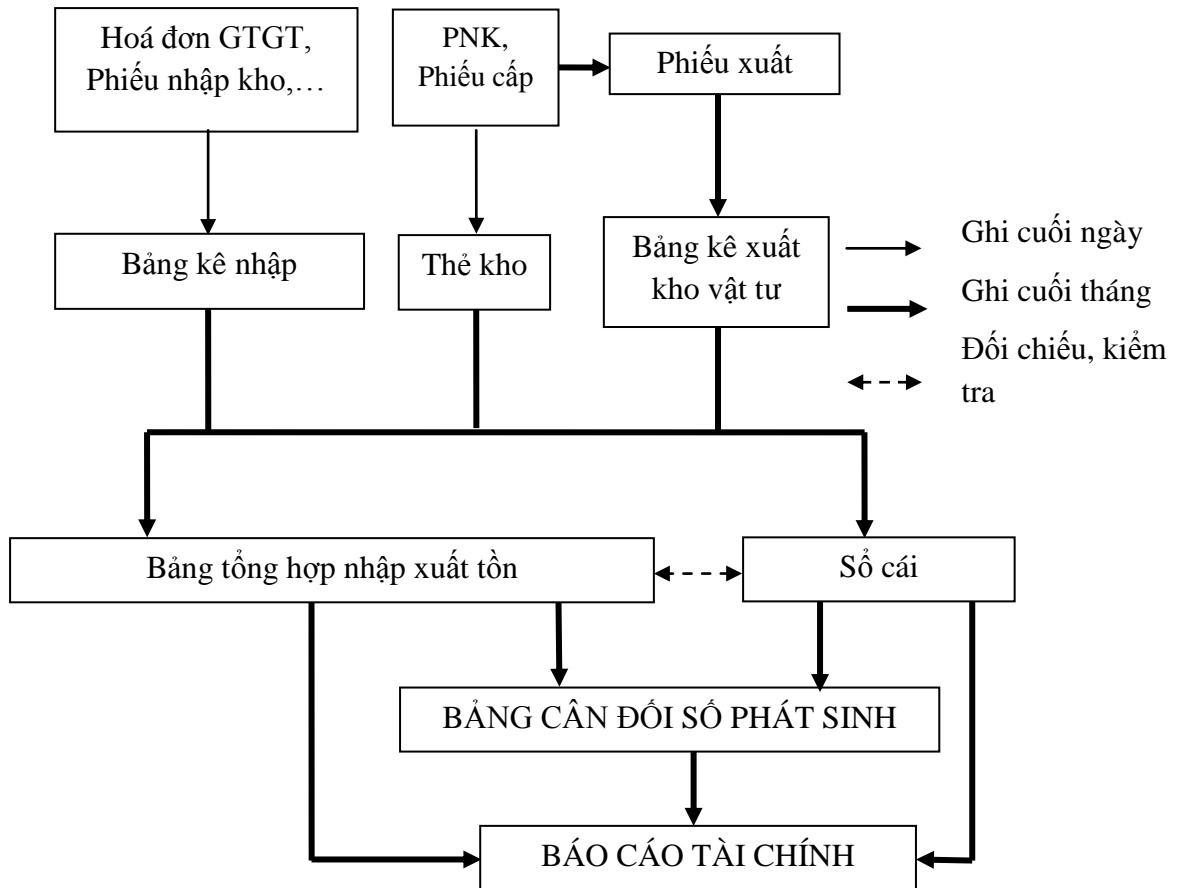
Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng tính giá xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá NVL, CCDC} & = & \text{Số lượng NVL, CCDC} & \times & \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{xuất kho thực tế} & & \text{xuất kho} & & \text{gia quyền} \end{array}$$

$$\begin{array}{rcccl} \text{Đơn giá xuất} & & \text{Giá trị thực tế NVL,} & & \text{Giá trị thực tế NVL, CCDC} \\ \text{kho thực tế} & = & \text{CCDC tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập kho trong kỳ} \\ & & & & \text{Số lượng thực tế NVL,} & \text{Số lượng thực tế NVL,} \\ & & \text{CCDC tồn đầu kỳ} & + & \text{CCDC nhập kho trong kỳ} \end{array}$$

2.2.1.3. Thủ tục nhập, xuất kho NVL, CCDC

Quy trình hạch toán kế toán NVL, CCDC tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.



A. Thủ tục nhập kho NVL, CCDC

Nhập kho NVL:

Nghiệp vụ mua nguyên, vật liệu phải có báo giá của nhà cung cấp.

Đối với mua vật tư: Khi xét thấy cần nhập thêm vật tư, dựa trên báo giá của nhà cung cấp đã được xét duyệt bởi Giám đốc, công ty sẽ ký kết hợp đồng mua bán với nhà cung cấp. Đến thời điểm giao hàng được ghi trong hợp đồng bên bán sẽ giao hàng cho công ty, để hoàn thành việc giao hàng hai bên ký nhận vào phiếu giao hàng, sau khi tiến hành kiểm nghiệm và lập biên bản kiểm nghiệm. Nếu sau quá trình kiểm nghiệm, vật tư được kết luận là đúng chủng loại, mẫu mã, chất lượng và số lượng như đã thoả thuận trong hợp đồng thì công ty tiến hành nhập kho vật tư. Còn ngược lại, thì

bên bán sẽ phải chịu trách nhiệm cung cấp lại đúng vật tư như đã thoả thuận hoặc đền bù tổn thất gây ra cho công ty do việc không thực hiện đúng hợp đồng.

Đối với nhiên liệu: Việc mua nhiên liệu thường được công ty kí kết hợp đồng với nhà cung cấp theo năm tài chính. Khi có nhu cầu về nhiên liệu, công ty sẽ thông báo cho nhà cung cấp và thực hiện giao nhiên liệu theo hợp đồng. Sau quá trình cung cấp nguyên vật liệu, hai bên lập biên bản giao nhận hàng hoá. Dựa trên hoá đơn mua hàng công ty sẽ tiến hành nhập kho nhiên liệu.

Đối với phụ tùng thay thế: Các đơn vị có vật tư cũ hỏng cần thay thế sẽ lập Đơn xin cấp vật tư trình lên phòng kỹ thuật, phòng kỹ thuật lập đội kiểm tra tiến hành xác định tình trạng vật tư cần thay thế, kết quả kiểm tra được ghi lại trong biên bản kiểm tra xác định tình trạng vật tư cần thay thế. Sau khi kiểm tra, xác định được tình trạng vật tư cần thiết phải thay mới, phòng kỹ thuật sẽ lập giấy đề nghị mua vật tư trình lên Giám đốc ký duyệt. Vật tư được giao đến công ty kèm theo báo giá và hoá đơn giá trị gia tăng. Công ty tiến hành kiểm nghiệm vật tư và lập biên bản kiểm nghiệm. Nếu vật tư đạt yêu cầu công ty sẽ tiến hành NK.

Căn cứ trên các hoá đơn mua NVL hoá đơn dịch vụ (nếu có chi phí vận chuyển), kế toán xác định tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ để lập phiếu nhập kho gửi xuống cho thủ kho.

Thủ kho căn cứ vào phiếu nhập kho hợp lệ tiến hành nhập kho và ghi số thực vào thẻ kho, thẻ kho được mở cho từng loại NVL trong từng tháng.

Ví dụ 1: Nhập kho nguyên vật liệu trong tháng 09/2012.

Trong tháng 09/2012, phát sinh nghiệp vụ về thu mua vật tư như sau:

Ngày 07/09/2012, công ty mua 20.000 lít dầu Diezel 0,05%S của công ty cổ phần thương mại và vận tải 568 theo hoá đơn mua hàng số 0000360, VAT 10%, chưa thanh toán.

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01/GTKT/3/001

Ký hiệu: AA/11P

Liên 2: Giao người mua

Số: 0000360

Ngày 07 tháng 09 năm 2012

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI 568**

Mã số thuế:

0	2	0	0	8	2	6	8	3	7			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Địa chỉ: Số 66 ngõ 23 đường Chè Hương, phường Đông Hải 1, Hải An, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0 3 1. 3 7 5 0 4 2 8 *Fax:

Số tài khoản: 253 1100 226009 Tại: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Ngô Quyền

Họ tên người mua hàng:.....Tàu Dã Trọng.....

Tên đơn vị:Cty CP lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.....

Mã số thuế:

0	2	0	1	0	4	0	5	8	8			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Địa chỉ:Số 4 – Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - Hải Phòng.....

Hình thức thanh toán: ...CK..... Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1)	Dầu Diezel 0,05%S	lít	20.000	19.800	396.000.000
Cộng tiền hàng:..... 396.000.000					
Thuế suất GTGT:10%... Tiền thuế GTGT: 39.600.000					
Tổng tiền thanh toán:..... 435.600.000					
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm ba mươi năm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn					

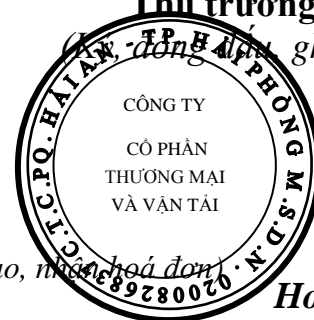
Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)


BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI/FAX


Phạm Thị Lua




Giám đốc
Hoàng Bá Kiên

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & VẬN TẢI 568**
DC: 66/23 đường Chè Hương, Đồng Hải I, Hải An, Hải Phòng
ĐT : 0313.750428 Fax : 0313.555822
Email : ctycptmvt568@gmail.com

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

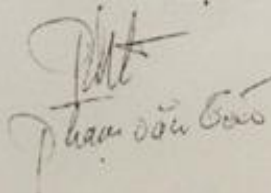
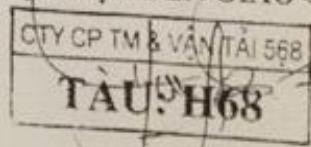
Hôm nay, vào hồi giờ ngày7 tháng9 năm 2012
Theo giấy giới thiệu số: ngày tháng năm 2012
Chúng tôi gồm các thành phần sau cùng nhau thành lập biên bản giao nhận hàng hoá với nội dung :

I - Bên giao hàng : Tàu H-68 thuộc Công ty cổ phần Thương mại và Vận tải 568
Do ông : Hoàng Bá Liễu Chức vụ : thuyền trưởng
 ông : Hoàng Bá Kiên Chức vụ : Máy Trưởng

II - Bên nhận hàng : Tàu Dũ Tạng IMO.....
thuộc Công ty CP Thương mại và Vận tải Cảng Hải Phòng
Do ông : Phạm Văn Tiến Chức vụ : Máy Trưởng
 ông : Chức vụ :

Đã nhận đủ lượng hàng :
Dầu : Diesel 0,25%s Số lượng là : 20.000 lít
Bảng chữ : Hải quân region 1
Sau khi kiểm tra đúng chất lượng hàng hoá, giao nhận đủ số lượng, chúng loại.
Kèm theo 02 chai mẫu: Tàu H-68 số niêm.....
Tàu..... số niêm.....

Hai bên thống nhất cùng ký tên vào biên bản giao nhận làm cơ sở pháp lý để lập hoá đơn bán hàng và bộ chứng từ thanh toán giữa hai công ty.
Biên bản lập xong lúc...giờ...phút, ngày...7 tháng9 năm 2012, tại Tàu H-68.....
và được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN	NGƯỜI NHẬN	ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
	 Phạm Văn Tiến	 MÁY TRƯỞNG

CTY CP LAI DẤT & VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG

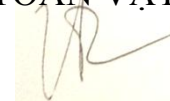
BẢNG KÊ NHẬP TK 152.3

Tháng 09 năm 2012

STT	SỐ PHIẾU	NGÀY THÁNG	TÊN VẬT TƯ	SỐ LƯỢNG	TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG		SỐ TIỀN HẠCH TOÁN	GHI CHÚ
					331	627		
1	4/9	5/9	Dầu super 20w40	209	12.545.455		12.545.455	
2	10/9	7/9	Dầu Diezel 0,05%S	20.000	396.000.000		396.000.000	
3	11/9	7/9	Dầu Diezel 0,05%S	60.000	1.188.000.000		1.188.000.000	
4	20/9	10/9	Dầu super40	309	18.220.674		18.220.674	
5	34/9	12/9	Dầu Gadina 40	209	12.445.000		12.445.000	
6	35/9	13/9	Dầu Rimulla 15w40	40	2.909.080		2.909.080	
7	40/9	14/9	Mỡ L3	90	8.181.810		8.181.810	
8	68/9	17/9	Xăng A92	390	8.385.000		8.385.000	
9	79/9	20/9	Diezel 0,05%S	5.000	99.000.000		99.000.000	
10	120/9	21/9	Diezel 0,05%S	8.155	162.169.539		162.169.539	
11	211/9	24/9	Diezel 0,05%S	5.436	108.113.026		108.113.026	
12	290/9	27/9	Diezel 0,05%S	2.719	54.056.513		54.056.513	
			CỘNG		2.070.026.097		2.070.026.097	

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

KẾ TOÁN VẬT TƯ



Nhập kho CCDC:

Nghiệp vụ mua CCDC:

Căn cứ vào đơn đề nghị được cấp công cụ dụng cụ của các đơn vị, phòng ban đã được Giám đốc kí duyệt, công ty sẽ mua công cụ dụng cụ của nhà cung cấp theo báo giá mà bên bán cung cấp. Khi nhận được công cụ dụng cụ kèm theo hoá đơn giá trị gia tăng và phiếu giao hàng, công ty tiến hành kiểm tra và nhập kho nếu sau khi kiểm tra công cụ dụng cụ được xác định là đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại, mẫu mã.

Căn cứ trên các hoá đơn mua NVL hoá đơn dịch vụ (nếu có chi phí vận chuyển), kế toán xác định tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ để lập phiếu nhập kho gửi xuống cho thủ kho.

Thủ kho căn cứ vào phiếu nhập kho hợp lệ tiến hành nhập kho và ghi số thực vào thẻ kho, thẻ kho được mở cho từng loại NVL trong từng tháng.

Ví dụ 2: Nhập kho CCDC:

Ngày 17/05/2012, mua của công ty TNHH thương mại Thành Hải 02 kim hàn đơn giá 130.000VNĐ/cái, 03 bếp cắt hơi số 2 đơn giá 60.000VNĐ/cái, 03 bếp cắt hơi số 3 đơn giá 60.000VNĐ/cái, 2 búa tay 1.5kg đơn giá 88.000VNĐ/cái, 10 kính hàn đơn giá 3.500VNĐ/cái. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt. Thuế GTGT 10%.

Căn cứ vào hoá đơn mua hàng số 0000841, kế toán làm thủ tục nhập kho số công cụ dụng cụ trên.

Không biết là ai...
đang bị như thế này...
Cần trợ giúp...
02/07/2012

Công ty TNHH Chu Ngọc Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ!

Kính gửi: Ông Phó Giám Đốc Kỹ Thuật CTCP-Lai Dắt
Vận Tải CTHP.

Công kính gửi: Phòng Kỹ Thuật Vật Tư - CTCP-Lai Dắt
Vận Tải CTHP.

Tôi S/cha^u chứng tỏ thực thuộc phòng Kỹ Thuật Vật Tư
của CTCP-Lai Dắt Vận Tải CTHP. Nay tôi S/cha^u có viết
giấy đề nghị một việc sau:

- Trong quá trình S/cha^u các phần Thủy cơ 1 hồ đưng cũ
làm việc qua lâu dần đến hư hỏng, mặc dù tôi đã
cố gắng đi check sửa nhưng xét thấy không an toàn và
hư hỏng cho việc S/cha^u, vậy tôi S/cha^u có viết giấy đề
nghị được trang cấp 1 hồ đưng cũ sau:

- Xin cấp 02 Kim hàn tròn
- 03 Bóp cắt hàn hơi số 3
- 03 Bóp cắt hàn hơi số 2
- 02 Búa Tay loại 3kg
- 02 Búa Tay loại 1,5kg
- 10 Mũng Kính theo hàn tròn

Vậy tôi S/cha^u chứng tỏ rất mong được sự quan tâm của
Ông Phó Giám Đốc Kỹ Thuật và Phòng Kỹ Thuật Vật Tư
của CTCP-Lai Dắt và Vận Tải CTHP

Một lần nữa Thay mặt tôi S/cha^u xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng Ngày 25-4-2012
TM. Tôi S/cha^u
Lương Thái Bình

CTCP LAI ĐẤT & VẬN TÀI
CẢNG HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải phòng ngày 4 tháng 5 năm 2012

GIẤY XIN MUA VẬT TƯ

Kính gửi: GIÁM ĐỐC CTCP LAI ĐẤT & VẬN TÀI CHP

Tổ sửa chữa thuộc phòng Kỹ thuật Vật tư thường xuyên thực hiện công việc sửa chữa cho các phương tiện của Công ty, Trong quá trình sửa chữa có một số loại dụng cụ sản xuất đã bị hư hỏng, cần được trang bị bổ sung.

Phòng Kỹ thuật Vật tư kính đề nghị Giám đốc Công ty duyệt cho mua một số vật tư sau:

- Kim hàn điện: 02 Cái
- Bếp cắt hơi số 2: 03 Cái
- Bếp cắt hơi số 3: 03 Cái
- Búa tay loại 3 kg: 02 Cái
- Búa tay loại 1,5 kg: 02 Cái
- Kính hàn điện: 10 Tấm


Xin trân trọng cảm ơn.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

P.KỸ THUẬT VẬT TƯ

GIÁM ĐỐC
Bùi Quang Thịnh

TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Đông Phong



TNHH THƯƠNG MẠI THÀNH HẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

oOo

PHIẾU BÁO GIÁ HÀNG

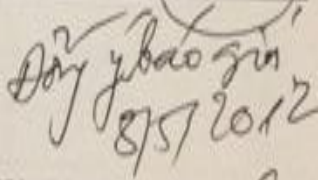
(Thanh toán bằng tiền mặt hay séc chuyển khoản)


Đơn vị mua: CP Lai Dắt và Vận Tải Cảng Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 4 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP
 Những mặt hàng sau đây:

TT	TÊN HÀNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Kim hàn	cái	2	130.000	260.000
2	Bếp cắt hơi số 2	cái	3	60.000	180.000
3	Bếp cắt hơi số 3	cái	3	60.000	180.000
4	Búa tay 1,5kg	cái	2	88.000	176.000
5	Kính hàn	cái	10	3.500	35.000
<i>Cộng tiền hàng:</i>					831.000
<i>Thuế suất GTGT: 10%</i>			<i>Tiền thuế GTGT</i>		83.100
Tổng cộng tiền thanh toán					914.100

Thành tiền: Chín trăm, mười bốn nghìn, một trăm đồng chẵn.
Séc trả đề: Công Ty TNHH TM Thành Hải
Tài khoản số: 2125201001063
Ngân hàng Nông nghiệp PTNT Trần Phú Hải Phòng
Địa chỉ liên hệ nhận hàng: số 33 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

Hải phòng, ngày 07 tháng 05 năm 2012


 PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Hải


 CÔNG TY TNHH TM THÀNH HẢI
 THƯƠNG MẠI
 THÀNH HẢI

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/11P

Số: **0000841**

Liên 2: *Giao người mua*

Ngày 17 tháng 05 năm 2012

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÀNH HẢI**

Mã số thuế:

0	2	0	0	5	8	5	1	4	8			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Địa chỉ: Số 33 Trần Khánh Dư, phường Máy tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0 3 1. 3 8 3 6 2 5 9 *Fax: 0 3 1. 3 8 3 6 2 5 9

Số tài khoản: Tại:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Cty CP lai dất và vận tải cảng Hải Phòng

Mã số thuế:

0	2	0	1	0	4	0	5	8	8			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Địa chỉ:Số 4 – Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - Hải Phòng.....

Hình thức thanh toán: ...CK/TM..... Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Kim hàn	cái	02	130.00 0	260.000
2	Bếp cắt hơi số 2	cái	03	60.000	180.000
3	Bếp cắt hơi số 3	cái	03	60.000	180.000
4	Búa tay 1,5kg	cái	02	88.000	176.000
5	Kính hàn	cái	10	3.500	35.000
<i>Cộng tiền hàng:.....</i>					831.000
<i>Thuế suất GTGT:.....10%.... Tiền thuế GTGT:</i>					83.100
<i>Tổng tiền thanh toán:.....</i>					914.100
<i>Số tiền viết bằng chữ: ...Chín trăm mười bốn nghìn một trăm đồng chẵn</i>					

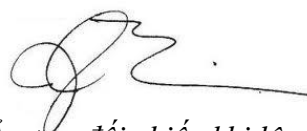
Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC

Trần Xuân Thanh

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Mẫu: BM.08.03
Ban hành :01/5/2010

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, sản phẩm hàng hoá)

ngày tháng 6 năm 2012 Số:

Căn cứ giấy đề nghị mua vật tư được Giám đốc Công ty chấp thuận ngày 4/5/2012

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông Trần Quang Thịnh	Giám đốc	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đông Phòng	Trưởng phòng-KTVT	Ủy viên
Ông Hoàng Gia Huy	Cung tiêu	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Kho	Ủy viên
Bà Vũ thị Lựu	Cán bộ phòng TCKT	Ủy viên

- Đã kiểm nghiệm các loại hàng hoá sau:

Số TT	Tên, quy cách vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Kim hàn			Cái	02	02	0	
2	Bếp cắt hơi số 2			"	03	03	0	
3	Bếp cắt hơi số 3			"	03	03	0	
4	Búa tay 1,5 kg			"	02	02	0	
5	Kính hàn			"	10	10	0	
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

Hàng mới, đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng. Đồng ý nhập kho.

THỦ KHO

P.TCKT

CUNG TIÊU

P.KTVT

TRƯỞNG BAN

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị:.....

Địa chỉ:

Mẫu số: 01 - VT

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20 tháng 3 năm 2006

của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 17 tháng 05 năm 2012

Số: ...2/5.....

Nợ:.....153....

Có:.....111....

Họ, tên người giao hàng: Công ty TNHH Thương Mại Thành Hải.....

Theo.....HĐ.....số 0000841 tháng...5...năm 2012 của.....

.....Công ty TNHH Thương mại Thành Hải.....

Nhập tại kho: CTCP lai đất & VT cảng HP

Địa điểm: Số 4 Lý Tự Trọng HP

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Kìm hàn		Cái	02	02	130.000	260.000
2	Bếp cắt hơi số 2		Cái	03	03	60.000	180.000
3	Bếp cắt hơi số 3		Cái	03	03	60.000	180.000
4	Búa tay 1,5kg		Cái	02	02	88.000	176.000
5	Kính hàn		Cái	10	10	3.500	35.000
	Cộng						831.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Tám trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo:

NGƯỜI LẬP
PHIẾU

NGƯỜI GIAO
HÀNG

THỦ KHO

KẾ TOÁN
TRƯỞNG

GIÁM
ĐỐC

CTY CP LAI DẮT & VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG

BẢNG KÊ NHẬP TK 153

Tháng 05 năm 2012

STT	SỐ PHIẾU	NGÀY THÁNG	TÊN VẬT TƯ	Số lượng	ĐVT	TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG		SỐ TIỀN HẠCH TOÁN	GHI CHÚ
						111	627		
1	1/5	2/5	Máy nạp ắc quy		Cái	1,900,000		1,900,000	
2	2/5	17/5	<u>Công cụ dụng cụ</u>			<u>813,000</u>		<u>813,000</u>	
			Kìm hàn	02	Cái	260.000		260.000	
			Bếp cắt hơi số 2	03	Cái	180.000		180.000	
			Bếp cắt hơi số 3	03	Cái	180.000		180.000	
			Búa tay 1,5kg	02	Cái	176.000		176.000	
			Kính hàn	10	Cái	35.000		35.000	
			CỘNG			2,713,000		2,713,000	

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

KẾ TOÁN VẬT TƯ

(Đã ký)

B. Thủ tục xuất kho NVL, CCDC

Xuất kho NVL:

Cuối tháng kế toán chốt bảng kê nhập kho vật tư để xác định trị giá nhập NVL trong kỳ.

Việc xuất kho nguyên vật liệu được tiến hành theo yêu cầu của đơn vị cần cung cấp vật tư, phòng kỹ thuật lập yêu cầu xuất phiếu cấp vật tư chuyển xuống phòng kế toán. Cuối tháng, kế toán vật tư tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để xác định trị giá nguyên vật liệu đã xuất trong kỳ, lập phiếu xuất kho nguyên vật liệu và bảng kê xuất kho vật tư

Riêng đối với nhiên liệu, công ty xuất nhiên liệu theo định mức công việc. Khi có lệnh làm việc, phòng kỹ thuật sẽ tính toán mức nhiên liệu cho chu trình làm việc của phương tiện và dựa trên công suất máy hoạt động, để đưa ra định mức hợp lý. Nhiên liệu được sử dụng cho việc vận hành máy móc trên các phương tiện, thường được phòng kỹ thuật cấp phát trực tiếp theo một nhà cung cấp nào đó (chủ yếu là được chỉ định nhà cung cấp).

$$\text{Trị giá xuất kho NVL} = \text{Số lượng NVL thực tế xuất kho trong kỳ} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Giá trị NVL thực tế tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị NVL thực tế nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL thực tế tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL thực tế nhập kho trong kỳ}}$$

Ví dụ 3: Xuất kho NVL

Ngày 30/09/2012, kế toán lập phiếu xuất kho nhiên liệu cho hai tàu HC57 và HC 58 căn cứ vào tổng số lượng nhiên liệu được tập hợp từ các phiếu cấp vật tư.

CTY CP LAI DẮT & VẬN TẢI CẢNG HP

PHIẾU CẤP NHIÊN LIỆU

Số: 26

Ngày 10 tháng 09 năm 2012.

Họ tên người nhận: **Nguyễn Danh Hữu**

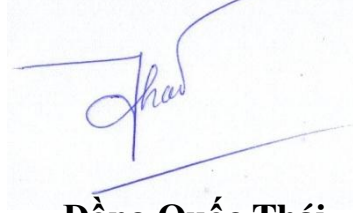
Bộ phận công tác: Tàu HC – 57

Nhiên liệu: Dầu diesel 372 lít, dầu super 20w40 5 lít.

Địa điểm cung cấp: tại cầu cảng 0

Nội dung: Vận chuyển hàng hoá tháng 9 năm 2012.

Người phụ trách



Đồng Quốc Thái

CTY CP LAI DẮT & VẬN TẢI CẢNG HP

PHIẾU CẤP NHIÊN LIỆU

Số: 136

Ngày 20 tháng 09 năm 2012.

Họ tên người nhận: **Nguyễn Danh Hữu**

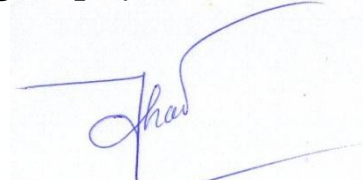
Bộ phận công tác: Tàu HC – 57

Nhiên liệu: Dầu diesel 243 lít.

Địa điểm cung cấp: tại tàu

Nội dung: Vận chuyển hàng hoá tháng 9 năm 2012.

Người phụ trách



Đồng Quốc Thái

CTY CP LAI DẮT & VẬN TẢI CẢNG HP

PHIẾU CẤP NHIÊN LIỆU

Số: 67

Ngày 13 tháng 09 năm 2012.

Họ tên người nhận: **Nguyễn Bá Thảo**

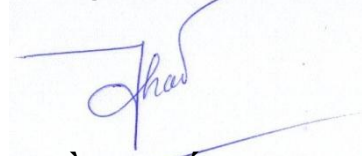
Bộ phận công tác: Tàu HC – 58

Nhiên liệu: Dầu diesel 210 lít.

Địa điểm cung cấp: tại tàu

Nội dung: Vận chuyển hàng hoá tháng 9 năm 2012.

Người phụ trách



Đổng Quốc Thái

CTY CP LAI DẮT & VẬN TẢI CẢNG HP

PHIẾU CẤP NHIÊN LIỆU

Số: 200

Ngày 25 tháng 09 năm 2012.

Họ tên người nhận: **Nguyễn Bá Thảo**

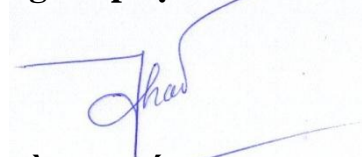
Bộ phận công tác: Tàu HC – 58

Nhiên liệu: Dầu diesel 369 lít, dầu super 20w40 5 lít.

Địa điểm cung cấp: tại tàu

Nội dung: Vận chuyển hàng hoá tháng 9 năm 2012.

Người phụ trách



Đổng Quốc Thái

ĐƠN VỊ: _____
 ĐỊA CHỈ: _____

PHIẾU XUẤT KHO Số: 34
 Ngày: 30 tháng 9 năm 2012

MẪU SỐ: 02-VT
 Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20 tháng 03 năm 2006
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Họ tên người nhận hàng: NG BÀ THẢO
 Địa chỉ: HCS P.
 Lý do xuất: _____
 Xuất tại kho: _____

Số TT	TÊN NHÃN HIỆU QUY CÁCH VẬT TƯ, HÀNG HOÁ	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
<u>1</u>	<u>B152N</u>		<u>lít</u>	<u>579⁶</u>	<u>STG</u>	<u>19.233</u>	<u>11.159.067</u>
<u>2</u>	<u>SUP6</u>		<u>lít</u>	<u>5</u>	<u>B5</u>	<u>69.538</u>	<u>297.690</u>
Cộng							<u>11.456.757</u>

Bảng chữ: _____

Xuất, ngày: 30 tháng 9 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị: _____ Kế toán trưởng: _____ Phụ trách cung tiêu: _____ Người nhận: Thảo Thủ kho: _____
NG BÀ THẢO

CTCP LAI ĐẤT & VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG

Tài khoản: 152.3

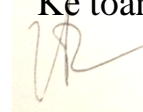
Kho: VT

BẢNG KÊ XUẤT KHO VẬT TƯ

Tháng 09 năm 2012

TÀI KHOẢN NỢ	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN HẠCH TOÁN	GHI CHÚ
621	Chi phí NVL trực tiếp		
	Hỗ trợ	256.490.340	
	Vận tải	1.091.342.044	
	Bóc xếp	244.744.354	
	Dịch vụ	217.078.535	
	Cộng TK 621	1.809.655.273	
627	Chi phí sản xuất chung		
	Hỗ trợ		
	Vận tải		
	Bóc xếp		
	Dịch vụ		
	Cộng TK 627		
642	Chi phí quản lý DN	9.171.150	
	Văn phòng	9.171.150	
	Tổng cộng	1.818.826.423	

Kế toán



Xuất kho CCDC:

Căn cứ vào nhu cầu cần dùng Công cụ dụng cụ của các đơn vị, phòng kế toán sẽ xuất kho công cụ dụng cụ theo phiếu cấp vật tư mà phòng kỹ thuật gửi xuống. Dựa trên Bảng kê nhập TK 153 kế toán xác định trị giá CCDC nhập kho trong tháng. Cuối tháng kế toán CCDC xác định trị giá xuất kho CCDC bằng cách lấy đơn giá xuất kho theo phương pháp BQGQ nhân với số lượng thực xuất trong kỳ, lập phiếu xuất kho CCDC và bảng kê xuất kho vật tư.

$$\begin{aligned} \text{Trị giá xuất kho NVL} &= \text{Số lượng NVL thực tế xuất kho trong kỳ} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền} \\ \text{Đơn giá bình quân gia quyền} &= \frac{\text{Giá trị NVL thực tế tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị NVL thực tế nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL thực tế tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL thực tế nhập kho trong kỳ}} \end{aligned}$$

Ví dụ 4: Xuất kho CCDC

Ngày 07/05/2012, cấp 01 máy nạp ắc quy cho cần trục nổi P11 theo phiếu cấp vật tư do phòng kỹ thuật gửi xuống.

Ngày 18/05/2012, cấp 16 đôi găng tay vải cho cần trục nổi P10 theo phiếu cấp vật tư của phòng kỹ thuật.

Cuối tháng kế toán xác định đơn giá xuất kho BQGQ của từng loại CCDC, và lập phiếu xuất kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

PHIẾU CẤP CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Số: 01

Ngày 07 tháng 05 năm 2012.

Họ tên người nhận: **Nguyễn Xuân Hoài**

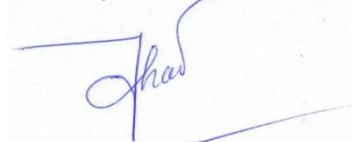
Bộ phận công tác: Cần trục nổi P11.

Công cụ dụng cụ: Máy nạp ác qui 01 bình.

Địa điểm cung cấp: tại kho công ty

Nội dung: Nạp bình đề.

Người phụ trách



Đồng Quốc Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

PHIẾU CẤP CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Số: 02

Ngày 18 tháng 05 năm 2012.

Họ tên người nhận: **Bùi Xuân Quyền**

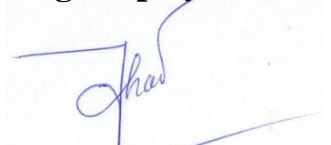
Bộ phận công tác: Cần trục nổi P10.

Công cụ dụng cụ: Găng tay vải 16 đôi.

Địa điểm cung cấp: tại kho công ty

Nội dung: Phục vụ hoạt động kinh doanh.

Người phụ trách



Đồng Quốc Thái

Mẫu số: 02 - VT

Đơn vị:.....

Địa chỉ:

PHIẾU XUẤT KHO

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20 tháng 3 năm 2006

của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

Số: ...239.....

Nợ:..... 627.....

Có:153.....

Họ, tên người nhận hàng:Nguyễn Xuân Hoài.....

Địa chỉ:.....Cần trục nổi P11.....

Lý do xuất:.....

Xuất tại kho: CTCP lai dất & VT cảng HP

Địa điểm: Số 4 Lý Tự Trọng HP

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo yêu cầu	Thực xuất		
1	Máy nạp ác qui		Cái	01	01	1.900.000	1.900.000
	Cộng						1.900.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu chín trăm nghìn đồng chẵn.....

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Thủ trưởng ĐV

Kế toán trưởng

Phụ trách cung tiêu

Người nhận

Thủ kho

Mẫu số: 02 - VT

Đơn vị:.....

PHIẾU XUẤT KHO

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ:

ngày 20 tháng 3 năm 2006

của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

Số:.....240.....

Nợ:..... 627.....

Có:153.....

Họ, tên người nhận hàng:Bùi Xuân Quyển.....

Địa chỉ:.....Cần trục nổi P10.....

Lý do xuất:.....

Xuất tại kho: CTCP lai dất & VT cảng HP

Địa điểm: Số 4 Lý Tự Trọng HP

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo yêu cầu	Thực xuất		
1	Găng tay vải		Đôi	16	16	3.045	48.720
	Cộng						48.720

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Thủ trưởng ĐV

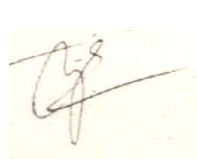
Kế toán trưởng

Phụ trách cung tiêu

Người nhận

Thủ kho







CTCP LAI ĐẤT & VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG

Tài khoản: 153

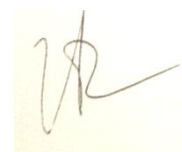
Kho: VT

BẢNG KÊ XUẤT KHO VẬT TƯ

Tháng 05 năm 2012

TÀI KHOẢN NỢ	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN HẠCH TOÁN	GHI CHÚ
627	Chi phí sản xuất chung		
	Hỗ trợ		
	Vận tải		
	Bốc xếp	1.948.720	
	Dịch vụ		
	Cộng TK 627	1.948.720	
642	Chi phí quản lý DN		
	Văn phòng		
142	Chi phí trả trước		
	Tổng cộng	1.948.720	

Kế toán



C. Thẻ kho và các loại sổ liên quan

Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu cấp phát NVL, CCDC thủ kho phân loại, sắp xếp theo thứ tự từng loại NVL, CCDC rồi ghi số lượng nhập, xuất vào từng thẻ kho theo chỉ tiêu số lượng. Cuối ngày, cuối tháng thủ kho tính ra số lượng tồn của từng danh điểm vật tư, sản phẩm, hàng hoá trên thẻ. Thẻ kho là căn cứ để xác định số lượng NVL, CCDC tồn vào cuối tháng.

Định kỳ kế toán xuống kho kiểm tra việc ghi chép của thủ kho. Cuối tháng lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn và sổ cái NVL, CCDC.

Hiện nay công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng áp dụng phương pháp thẻ song song cho kế toán NVL, CCDC:

Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại NVL, CCDC theo chỉ tiêu số lượng. Mỗi chứng từ nhập, xuất kho hàng ngày được ghi vào một dòng.

Mỗi loại NVL, CCDC được theo dõi chi tiết trên một trang thẻ kho riêng và được sắp xếp theo từng chủng loại NVL, CCDC để tiện cho việc sử dụng thẻ kho cho việc ghi chép. Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập, xuất NVL, CCDC, thủ kho kiểm tra tính toán hợp lý, hợp lệ của chứng từ. Cuối ngày thủ kho sử dụng các chứng từ đó ghi số lượng NVL, CCDC nhập - xuất vào thẻ kho.

Thủ kho có nhiệm vụ sắp xếp các chứng từ và bàn giao cho kế toán theo định kỳ 2 ngày một lần.

CTCP LAI DẮT & VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S12 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

THẺ KHO

Tờ số: 43

Tháng 09/2012

Tên kho: Kho vật tư – Nhiên liệu

Tên vật tư: Dầu Diezel – Đơn vị tính: lít

ST T	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
				<i>Tồn đầu kỳ</i>			112,729	
1	7/9	10/9		Nhập dầu diezel	20,000		132,729	
2	7/9	11/9		Nhập dầu diezel	60.000		192.729	
3	7/9		1	Xuất cho tàu HC 66		3,250	189,479	
4	7/9		2	Xuất cho tàu HC 05		3,400	186,079	
5	7/9		3	Xuất cho tàu BN 5589		2,700	183,379	
6	7/9		4	Xuất cho tàu YH 2803		2,700	180,679	
7	7/9		5	Xuất cho tàu HD 2235		2,100	178,579	
8	8/9		14	Xuất cho tàu HC 06		3,500	175,079	
9	8/9		15	Xuất cho tàu HC 03		400	174,679	
10	8/9		16	Xuất cho tàu QN 1902		3,500	171,179	
11	10/9		26	Xuất cho tàu HC 57		372	170,807	
12	10/9		27	Xuất cho P10		3,000	167,807	
13	10/9		28	Xuất cho P11		2,000	165,807	
14	10/9		29	Xuất cho Dã tượng		4,000	161,807	
15	10/9		30	Xuất cho HC 68		599	161,208	
16	10/9		31	Xuất cho HC 01		3,100	158,108	
17	10/9		32	Xuất cho tàu HC 54		3,100	155,008	
18	10/9		33	Xuất cho tàu HP 5079		4,000	151,008	
19	10/9		34	Xuất cho tàu HC 38		2,800	148,208	
20	11/9		54	Xuất cho tàu BN 0844		1,900	146,308	
21	11/9		55	Xuất cho tàu BN 2615		2,500	143,808	
22	11/9		56	Xuất cho tàu BN 3574		3,000	140,808	
23	13/9		67	Xuất cho tàu HC 58		210	140,598	

Khóa luận tốt nghiệp

24	13/9		68	Xuất cho tàu HC 02		3,600	136,998	
25	13/9		69	Xuất cho tàu HC 34		1,200	135,798	
26	13/9		70	Xuất cho tàu HC 43		500	135,298	
27	13/9		71	Xuất cho tàu HC 47		3,400	131,898	
28	13/9		72	Xuất cho tàu HC 22		3,400	128,498	
29	15/9		91	Xuất cho tàu HC 34		1,500	126,998	
30	17/9		92	Xuất cho tàu HC 27		500	126,498	
31	17/9		93	Xuất cho tàu HC 48		2,800	123,698	
32	17/9		94	Xuất cho tàu HC 23		3,100	120,598	
33	18/9		100	Xuất cho HC 68		1,150	119,448	
34	18/9		101	Xuất cho P11		200	119,248	
35	19/9		121	Xuất cho tàu HC 08		300	118,948	
36	19/9		122	Xuất cho tàu HC 43		1,250	117,698	
37	20/9	79/9		Nhập dầu diesel	5,000		122,698	
38	20/9		136	Xuất cho tàu HC 57		243	122,455	
39	21/9	120/9		Nhập dầu diesel	8,155		130,610	
40	21/9		144	Xuất cho tàu HC 09		1,500	129,110	
41	22/9		145	Xuất cho tàu HC 03		2,800	126,310	
42	23/9		146	Xuất cho tàu HC 46		3,200	123,110	
43	24/9	211/9		Nhập dầu diesel	5,436		128,546	
44	25/9		199	Xuất cho P 11		1,000	127,546	
45	25/9		200	Xuất cho tàu HC 58		369	127,177	
46	25/9		201	Xuất cho tàu HC 07		420	126,757	
47	25/9		202	Xuất cho tàu HC 43		350	126,407	
48	27/9		310	Xuất cho HC 68		1,350	125,057	
49	27/9		311	Xuất cho tàu HC 27		2,400	122,657	
50	27/9		312	Xuất cho tàu HC 66		200	122,457	
51	27/9		313	Xuất cho tàu HC 38		250	122,207	
52	27/9		314	Xuất cho tàu HC 28		2,700	119,507	
53	27/9	290/9		Nhập dầu diesel	2,719		122,226	
				Cộng phát sinh	101,310	91,813		
				Tồn kho cuối kỳ			122,226	

Thủ kho/người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CTCP LAI DẤT & VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S12 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

THẺ KHO

Tờ số: 103

Tháng 05/2012

Tên kho: Kho vật tư – CCDC

Tên vật tư: Máy nạp ắc qui – Đơn vị tính: Cái

S T T	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
				<i>Tồn đầu kỳ</i>			0	
1	2/5	1/5		Nhập máy nạp ắc qui	1		1	
2	7/5		01	Xuất cho cần trục nổi P11		1	0	
				<i>Cộng phát sinh</i>	1	1		
				<i>Tồn kho cuối kỳ</i>			0	

Thủ kho/người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN TK152.3

Tháng 09 năm 2012

TÊN HÀNG HOÁ	Đ/V TÍNH	GIÁ HT	TỒN ĐẦU KỲ		NHẬP TRONG KỲ		XUẤT TRONG KỲ		TỒN CUỐI	
			SL	GIÁ TRỊ	SL	GIÁ TRỊ	SL	GIÁ TRỊ	SL	GIÁ TRỊ
Dầu diezen	lít	19,273	112,729	2,117,767,158	101,310	2,007,339,078	91,813	1,769,511,949	122,226	2,355,594,287
Dầu Super 40	lít	58,831	93	5,429,234	309	18,220,674	72	4,235,832	330	19,414,076
Dầu Gadina 40	lít	61,920	345	21,858,828	209	12,445,000	48	2,972,160	506	31,331,668
Dầu Rimulla 15w40	lít	69,488	1,023	70,956,267	40	2,909,080	69	4,794,672	994	69,070,675
Mỡ L3	kg	89,857	435	38,993,199	90	8,181,810	110	9,884,270	415	37,290,739
Dầu Disola 30+40	lít	40,242	63	2,535,271				0	63	2,535,271
Dầu supper 20w40	lít	59,538	433	25,677,828	209	12,545,455	60	3,572,280	582	34,651,003
Xăng A92	lít	21,374	59	1,211,885	390	8,385,000	404	8,635,096	45	961,789
Telus 32	lít	67,810	25	1,695,238			5	339,050	20	1,356,188
Delo sea 15w40	lít	59,591	1,107	65,966,688			244	14,540,204	863	51,426,484
Telus 46	lít	68,182	30	2,045,460			5	340,910	25	1,704,550
Cộng				2,354,137,056		2,070,026,097		1.818.826.423		2.605.336.730

Kế toán

(Đã ký)

CTY CP LAI DÁT & VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG

BẢNG KÊ SỐ 4
CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP : TK 621
THÁNG 09 NĂM 2012

SỐ TT DÒNG	TK GHI CÓ	335	152.2	152.3	152.4	...	TỪ CÁC NKCT KHÁC		CỘNG NỢ TK 621	GHI CÓ TK 621, NỢ CÁC TK		
							SỐ LIỆU	SỐ TIỀN		335	154	CỘNG CÓ TK 621
1	Chi phí nguyên, vật liệu		45,652,335	1,809,655,273					1,855,307,608		1,855,307,608	1,855,307,608
	Vật liệu		45,652,335						45,652,335		45,652,335	45,652,335
	Nhiên liệu			1,809,655,273					1,809,655,273		1,809,655,273	1,809,655,273
	Phụ tùng											
	CỘNG		45,652,335	1,809,655,273					1,855,307,608		1,855,307,608	1,855,307,608

BẢNG KÊ GHI XONG NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2012

KẾ TOÁN TỔNG HỢP



KẾ TOÁN TRƯỞNG



BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN TK 153
Tháng 05 năm 2012

TÊN HÀNG HOÁ	Đ/V TÍNH	GIÁ HT	TỒN ĐẦU KỲ		NHẬP TRONG KỲ		XUẤT TRONG KỲ		TỒN CUỐI	
			SL	GIÁ TRỊ	SL	GIÁ TRỊ	SL	GIÁ TRỊ	SL	GIÁ TRỊ
Găng tay sợi	Đôi	2,925	26	76,052				0	26	76,052
Găng tay vải	Đôi	3,045	400	1,218,000			16	48,720	384	1,169,280
Găng tay cao su	Đôi	11,500	23	264,500				0	23	264,500
Búa gõ ri	Cái	12,800	5	64,000				0	5	64,000
Mũ vải	Cái	14,913	7	104,388				0	7	104,388
Giày quân nhu	Đôi	35,307	7	247,151				0	7	247,151
Nút bịt tai	Đôi	6,000	8	48,000				0	8	48,000
Quần áo BHLĐ	Bộ	149,252	3	447,757				0	3	447,757
Ủng cao su LĐ	Đôi	40,000	3	120,000				0	3	120,000
Dây an toàn	Cái	70,000	4	280,000				0	4	280,000
Giày chống dầu	Đôi	75,000	3	225,000				0	3	225,000
Mũ nhựa	Cái	25,000	3	75,000				0	3	75,000
Ao mưa	Bộ	149,091	11	1,640,001				0	11	1,640,001
Bột giặt Daso	Kg	19,990	6	119,940				0	6	119,940
Máy nạp ác qui	Cái	1,900,000			1	1,900,000	1	1,900,000	0	0
Kim hàn	Cái	130,000			2	260,000		0	2	260,000
Bếp cắt hơi số 2	Cái	60,000			3	180,000		0	3	180,000
Bếp cắt hơi số 3	Cái	60,000			3	180,000		0	3	180,000
Búa tay 1.5kg	Cái	88,000			2	176,000		0	2	176,000
Kính hàn	Cái	3,500			10	35,000		0	10	35,000
Cộng				4,929,789		2,731,000		1,948,720		5,712,069

Kế toán

(Đã ký)

2.2.2. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC tại công ty cổ phần lai dắt và vận tải cảng Hải Phòng.

Hiện nay công ty cổ phần lai dắt và vận tải cảng Hải Phòng áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, theo phương pháp này công ty sử dụng các TK sau:

TK 152: Nguyên vật liệu

TK 152.2: Vật tư

TK 152.3: Nhiên liệu

TK 152.4: Phụ tùng thay thế

TK 153: Công cụ dụng cụ

TK 133: Thuế GTGT

TK 111: Tiền mặt

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

TK 331: Phải trả cho người bán

Kế toán tổng hợp mua NVL, CCDC

Tại doanh nghiệp áp dụng hình thức thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ vận doanh nghiệp hạch toán chi tiết NVL, CCDC như sau:

Khi mua hàng hoá về kê toán căn cứ vào các chứng từ nhập để tiến hành tổng hợp NVL, CCDC.

1. Nếu NVL, CCDC và hoá đơn mua hàng cùng về, đơn vị thanh toán ngay bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc nếu chưa trả người bán:

Nợ TK 152: Nguyên vật liệu

Nợ TK 153: Công cụ dụng cụ

Nợ TK 133: Thuế GTGT

Có TK 111: Trả bằng tiền mặt

Có TK 112: Trả bằng tiền gửi ngân hàng

Có TK 331: Phải trả người bán (chưa thanh toán)

2. Xuất NVL để trực tiếp sản xuất sản phẩm.

Nợ TK 621: Chi phí NVL trực tiếp

Có TK 152: Nguyên vật liệu

3. Xuất NVL, CCDC cho bộ phận quản lý

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 152: Nguyên vật liệu

Có TK 153: Công cụ dụng cụ

4. Xuất CCDC cho phân xưởng sản xuất phân bổ nhiều lần.

Nợ TK 142: Phân bổ ngắn hạn

Nợ TK 242: Phân bổ dài hạn

Có TK 153: Công cụ dụng cụ

Nợ TK 627: Chi phí sản xuất chung

Có TK 142, 242.

Ví dụ: Kế toán định khoản các nghiệp vụ xuất kho NVL và CCDC trong ví dụ 3 và 4 như sau:

Nợ TK 621- HC 57HT	12.150.585VNĐ
Có TK 152.3	12.150.585VNĐ
Nợ TK 621- HC 58HT	11.456.757VNĐ
Có TK 1523	11.456.757VNĐ
Nợ TK 627- P11BX	1.900.000VNĐ
Có TK 153	1.900.000VNĐ
Nợ TK 627- P10BX	48.720VNĐ
Có TK 153	48.720VNĐ

Tổ chức hạch toán nghiệp vụ thu mua NVL, CCDC tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

Tổ chức kế toán thu mua NVL, CCDC:

Để có thể hoạt động sản xuất kinh doanh và tồn tại trong nền kinh tế thị trường, công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng đã áp dụng nhiều hình thức mua NVL, CCDC khác nhau.

Dựa vào các hợp đồng cung ứng dịch vụ được kí kết với khách hàng, phòng kỹ thuật sẽ tính toán ra lượng NVL, CCDC cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ. Còn đối với lượng NVL, CCDC dùng cho quản lý và cho phân xưởng sản xuất thì thường được mua theo khối lượng định mức dùng trong tháng. Khi xác định được khối lượng NVL, CCDC cần sử dụng công ty sẽ ký kết hợp đồng mua bán với nhà cung cấp, trong hợp đồng phải ghi rõ tên đơn vị bán NVL, CCDC, số tài khoản ngân hàng, chủng loại, đơn giá, số lượng, quy cách, phẩm chất của NVL, CCDC, thời gian, địa điểm giao hàng, thời hạn và hình thức thanh toán. Bên bán căn cứ vào đó để giao hàng và theo dõi thanh toán.

Hiện nay, trong kinh doanh, công ty cũng luôn củng cố việc thu mua NVL, CCDC theo hợp đồng và đơn đặt hàng. Vì thế theo hình thức này, hoạt động kinh doanh của công ty có cơ sở vững chắc về pháp luật, do đó, công ty có thể chủ động lập kế hoạch thu mua và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kinh doanh của công ty.

Các phương thức thanh toán tiền thu mua NVL, CCDC:

Hiện nay công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng áp dụng các hình thức thanh toán chủ yếu:

Hình thức thu mua NVL, CCDC thanh toán bằng tiền: Theo hình thức này khi mua NVL, CCDC công ty trả ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

Hình thức thu mua NVL, CCDC theo hợp đồng đã ký: Theo hình thức này khi mua NVL, CCDC công ty sẽ thanh toán cho bên bán theo hợp đồng đã ký.

Ví dụ 5: Thanh toán tiền mua NVL, CCDC.

Ngày 17/5 mua CCDC của công ty TNHH thương mại Thành Hải đã thanh toán bằng tiền mặt, tổng số tiền thanh toán là 914.100VNĐ.

Căn cứ vào hoá đơn mua hàng số 0000841 kế toán tiền mặt chi tiền trả công ty TNHH thương mại Thành Hải.

Ngày 25/09/2012, công ty cổ phần lai đất và vận tải cảng Hải Phòng chuyển khoản trả tiền lô hàng ngày 7/9/2012 cho công ty cổ phần thương mại và vận tải 568. Tổng số tiền thanh toán là 435.600.000VNĐ.

CTCP LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG	PHIẾU CHI	Mẫu số: 02-TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)		
<i>Ngày 17 tháng 05 năm 2012</i>				
Họ và tên người nhận tiền:Theo bảng thanh toán ngày 17/05/2012.....				
Địa chỉ:				
Lý do chi:Chi kinh phí.....				
Số tiền:914.100VNĐ.....Viết bằng chữ: Chín trăm mười bốn nghìn một trăm đồng chẵn.....				
Kèm theo:.....chứng từ gốc.				
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....				
.....				
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>

NGÂN HÀNG TMCP
SAIGON CÔNG THƯƠNG

PHẦN DO NH GHI

ỦY NHIỆM CHI

Số:

NỢ

CHUYÊN KHOẢN, CHUYÊN TIỀN, THƯ, ĐIỆN

Lập ngày: 25/09/2012

Đơn vị trả tiền: Công ty CP Lai dất & vận tải Cảng Hải Phòng

Số tài khoản: 701270406000889

Tại ngân hàng Saigonbank

Tỉnh, TP: Hải Phòng

Số hiệu NH A:

CÓ

Số hiệu NH B:

Đơn vị nhận tiền: Công ty CPTM & vận tải 568

Địa chỉ:

Số tài khoản: 160314851006822

Tại ngân hàng: TMCP Xuất nhập khẩu VN

Tỉnh, TP: Hải Phòng

Loại nghiệp vụ:

Ký hiệu thống kê:

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền hàng ngày 07/09/2012.

SỐ TIỀN (BẢNG SỐ)

435.600.000

Số tiền bằng chữ: ***Bốn trăm ba năm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.***

Đơn vị trả tiền
KẾ TOÁN CHỦ TÀI KHOẢN

NH A ghi sổ ngày:
SỔ PHỤ KIỂM SOÁT GIÁM ĐỐC

NH B ghi sổ ngày:
SỔ PHỤ KIỂM SOÁT GIÁM ĐỐC

SỔ CÁI
TK 153 - CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2012													
NỢ	CÓ												
5,069,889													
Số hiệu các tài khoản ghi CÓ đối ứng với bên NỢ tài khoản này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	TỔNG CỘNG CẢ NĂM
111			1,360,000	2,120,000	2,731,000						1,041,198		7,252,198
331													
141													
Cộng NỢ	0	0	1,360,000	2,120,000	2,731,000	0	0	0	0	0	1,041,198	0	7,252,198
Công CÓ	1,898,673	68,752	620,678	1,031,997	1,948,720	142,600	520,618	253,042	35,100	214,156	306,443		7,040,779
Số dư { NỢ	3,171,216	3,102,464	3,841,786	4,929,789	5,712,069	5,569,469	5,048,851	4,795,809	4,760,709	4,546,553	5,281,308	5,281,308	5,281,308
Số dư { CÓ													

Kế toán
(Đã ký)

SỔ CÁI
TK 152.2 - VẬT LIỆU

Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2012													
NỢ	CÓ												
8,220,130													
Số hiệu các tài khoản ghi CÓ đối ứng với bên NỢ tài khoản này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	TỔNG CỘNG CẢ NĂM
627													
331			1,095,700	251,402,060	8,520,000	10,201,000	3,200,000	78,473,400	45,652,335	52,955,538			451,500,033
Cộng NỢ			1,095,700	251,402,060	8,520,000	10,201,000	3,200,000	78,473,400	45,652,335	52,955,538			451,500,033
Công CÓ	274,000		2,044,068	245,644,060	7,480,000	2,840,000	4,239,390	77,528,539	45,652,335	52,405,030		8,151,379	446,258,801
Số dư { NỢ }	7,946,130	7,946,130	6,997,762	12,755,762	13,795,762	21,156,762	20,117,372	21,062,233	21,062,233	21,612,741	21,612,741	13,461,362	13,461,362
Số dư { CÓ }													

Kế toán

(Đã ký)

Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2012		SỔ CÁI TK 152.4 - PHỤ TÙNG												
NỢ	CÓ													
2,000,000														
Số hiệu các tài khoản ghi CÓ đối ứng với bên NỢ tài khoản này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	TỔNG CỘNG CẢ NĂM	
138														
331	16,568,000	47,346,000	18,372,000	13,700,000	4,800,000	31,434,000	4,200,000	24,496,000		23,350,000			184,266,000	
Cộng NỢ	16,568,000	47,346,000	18,372,000	13,700,000	4,800,000	31,434,000	4,200,000	24,496,000	0	23,350,000			184,266,000	
Cộng CÓ	18,568,000	47,346,000	6,124,000	25,948,000		4,800,000	35,634,000	24,496,000		23,350,000			186,266,000	
Số dư { NỢ	0	0	12,248,000	0	4,800,000	31,434,000	0	0	0	0	0	0	0	
Số dư { CÓ														

Kế toán

(Đã ký)

SỔ CÁI
TK 152.3 - NHIÊN LIỆU

Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2012													
NỢ	CÓ												
1,455,327,458													
Số hiệu các tài khoản ghi CÓ đối ứng với bên NỢ tài khoản này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	TỔNG CỘNG CẢ NĂM
627													
331	1,457,890,000	2,001,986,038	2,120,400,455	1,769,266,500	2,452,600,060	2,526,900,949	2,335,007,339	2,403,806,900	2,070,026,097	2,117,339,080	1,209,000,000	2,132,798,637	24,597,022,055
Cộng NỢ	1,457,890,000	2,001,986,038	2,120,400,455	1,769,266,500	2,452,600,060	2,526,900,949	2,335,007,339	2,403,806,900	2,070,026,097	2,117,339,080	1,209,000,000	2,132,798,637	24,597,022,055
Cộng CÓ	2,100,967,852	1,828,345,566	2,290,657,983	1,785,306,603	2,111,022,851	2,038,937,960	2,109,053,236	1,904,756,592	1,818,826,423	1,818,605,703	2,053,406,221	2,013,005,523	23,872,892,513
Số dư { NỢ	812,249,606	985,890,078	815,632,550	799,592,447	1,141,169,656	1,629,132,645	1,855,086,748	2,354,137,056	2,605,336,730	2,904,070,107	2,059,663,886	2,179,457,000	2,179,457,000
Số dư { CÓ													

Kê toán

(Đã ký)

Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2012		SỔ CÁI												
NỢ	CÓ	TK 152 - NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU												
2,649,731,288		Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	TỔNG CỘNG CẢ NĂM
138														
331	1,474,458,000	2,049,332,038	2,139,868,155	2,034,368,560	2,465,920,060	1,868,535,949	2,342,407,339	2,506,776,300	2,115,678,432	2,193,644,618	1,209,000,000	2,132,798,637	24,532,788,088	
627														
Cộng NỢ	1,474,458,000	2,049,332,038	2,139,868,155	2,034,368,560	2,465,920,060	1,868,535,949	2,342,407,339	2,506,776,300	2,115,678,432	2,193,644,618	1,209,000,000	2,132,798,637	24,532,788,088	
Cộng CÓ	2,119,809,852	1,875,691,566	2,298,826,051	2,056,898,663	2,118,502,851	2,446,577,960	2,248,926,626	1,990,964,831	1,864,478,758	1,894,360,733	2,053,406,221	2,021,156,902	24,989,601,014	
Số dư { NỢ	2,004,379,436	2,178,019,908	2,019,062,012	1,996,531,909	2,343,949,118	1,765,907,107	1,859,387,820	2,375,199,289	2,626,398,963	2,925,682,848	2,081,276,627	2,192,918,362	2,192,918,362	
Số dư { CÓ														

Kế toán

(Đã ký)

Kiểm kê đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho

Tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng, công tác kiểm kê đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho được tiến hành định kỳ một lần một tháng và được tiến hành vào thời điểm cuối tháng. Cuối tháng công ty lập ban kiểm kê và tiến hành kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho của công ty. Các nhân viên kế toán cùng với các nhân viên ở kho và đại diện phòng kỹ thuật vật tư xuống kiểm kê vật tư và ghi kết quả vào biên bản kiểm kê.

**CTCP LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG**

MST: 0201040588

BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 09 năm 2012.

TẠI KHO: NHIÊN LIỆU (1523)

Thời gian kiểm kê: 14h30' ngày 30 tháng 09 năm 2012.

Các thành viên tham gia kiểm kê gồm:

1. Ông Nguyễn Phước Đại Chức vụ: TP kỹ thuật - Trưởng ban
2. Ông Đào Văn Hải Chức vụ: Kế toán tổng hợp – Phó ban
3. Bà Vũ Thị Lựu Chức vụ: Kế toán - Ủy viên
4. Bà Đặng Thị Cảnh Chức vụ: Thủ kho - Ủy viên

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng tồn kho theo sổ sách	Số lượng tồn thực tế		Chênh lệch so với sổ sách	Đơn giá	Trị giá chênh lệch
				Đạt chất lượng	Kém chất lượng			
1	Dầu diezen	lít	122,226	122180	-	46	19,273	886,558
2	Dầu Super 40	lít	330	329	-	1	58,831	58,831
3	Dầu Gadina 40	lít	506	505.5	-	0.5	61,920	30,960
4	Dầu Rimulla 15w40	lít	994	993.5	-	0.5	69,488	34,744
5	Mỡ L3	kg	415	414.2	-	0.8	89,857	71,886
6	Dầu Disola 30+40	lít	63	63	-	0	40,242	0
7	Dầu supper 20w40	lít	582	581.5	-	0.5	59,538	29,769
8	Xăng A92	lít	45	43.8	-	1.2	21,374	25,649
9	Telus 32	lít	20	19.8	-	0.2	67,810	13,562
10	Delo sea 15w40	lít	863	862.7	-	0.3	59,591	17,877
11	Telus 46	lít	25	24.8	-	0.2	68,182	13,636
					-			
	Cộng							1,183,472

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Nhiên liệu của công ty thiếu về mặt số lượng so với sổ sách. Ban kiểm nghiệm đã xác định mức chênh lệch nằm trong định mức hao hụt cho phép và nhất trí theo Biên bản kiểm kê trên, báo cáo trình cấp trên.

Đại diện kỹ thuật
(Đã ký)

Thủ kho
(Đã ký)

Trưởng ban kiểm nghiệm
(Đã ký)

CTCP LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG
MST: 0201040588

BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 05 năm 2012.

TẠI KHO: **CÔNG CỤ DỤNG CỤ (153)**

Thời gian kiểm kê: 14h30' ngày 31 tháng 05 năm 2012.

Các thành viên tham gia kiểm kê gồm:

- | | |
|------------------------|--|
| 5. Ông Trần Ngọc Thiêm | Chức vụ: Phó phòng kỹ thuật-Trưởng ban |
| 6. Ông Đào Văn Hải | Chức vụ: Kế toán tổng hợp – Phó ban |
| 7. Bà Vũ Thị Lựu | Chức vụ: Kế toán - Ủy viên |
| 8. Bà Đặng Thị Cảnh | Chức vụ: Thủ kho - Ủy viên |

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng tồn kho theo sổ sách	Số lượng tồn thực tế		Chênh lệch so với sổ sách	Đơn giá	Trị giá chênh lệch
				Đạt chất lượng	Kém chất lượng			
1	Găng tay sợi	Đôi	26	24	2	2	2,925	5.904
2	Găng tay vải	Đôi	384	384	-	0	3,045	
3	Găng tay cao su	Đôi	23	22	1	1	11,500	11.500
4	Búa gỗ ri	Cái	5	5	-	0	12,800	
5	Mũ vải	Cái	7	7	-	0	14,913	
6	Giày quân nhu	Đôi	7	7	-	0	35,307	
7	Nút bịt tai	Đôi	8	7	1	1	6,000	6.000
8	Quần áo BHLĐ	Bộ	3	3	-	0	149,252	
9	Ủng cao su LĐ	Đôi	3	3	-	0	40,000	
10	Dây an toàn	Cái	4	4	-	0	70,000	
11	Giày chống dầu	Đôi	3	3	-	0	75,000	
12	Mũ nhựa	Cái	3	3	-	0	25,000	
13	Áo mưa	Bộ	11	11	-	0	149,091	
14	Bột giặt Daso	Kg	6	6	-	0	19,990	
15	Máy nạp ác qui	Cái	0	0	-	0	1,900,000	
16	Kim hàn	Cái	2	2	-	0	130,000	
17	Bếp cắt hơi số 2	Cái	3	3	-	0	60,000	
18	Bếp cắt hơi số 3	Cái	3	3	-	0	60,000	
19	Búa tay 1.5kg	Cái	2	2	-	0	88,000	
20	Kính hàn	Cái	10	10	-	0	3,500	
Cộng								23.404

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Số lượng CCDC của công ty đủ về mặt số lượng so với sổ sách, một số CCDC đã bị kém chất lượng do lưu trữ lâu ngày nên đã bị ẩm mốc và mối mọt. Ban kiểm nghiệm xác định số lượng CCDC kém phẩm chất nằm trong phạm vi hồng hóc cho phép và nhất trí theo Biên bản kiểm kê trên, báo cáo trình cấp trên.

Đại diện kỹ thuật
(Đã ký)

Thủ kho
(Đã ký)

Trưởng ban kiểm nghiệm
(Đã ký)

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL, CCDC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán NVL, CCDC tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

Qua 3 năm xây dựng và trưởng thành, công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng đã không ngừng phát triển và gặt hái được nhiều thành tựu, trở thành đơn vị uy tín trong ngành dịch vụ lai dất tàu biển, bốc xếp hàng hoá và vận tải đường biển.

Để đứng vững trên thị trường lai dất, hỗ trợ tàu biển, bốc xếp bằng cần trục nổi tại khu vực Hải Phòng, mở rộng dịch vụ vận tải hàng hoá bằng phương tiện thuỷ,... và tạo lập được uy tín của mình như hiện nay không thể không nói đến sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty và sự vươn lên của các thành viên trong Công ty. Tập thể lãnh đạo của Công ty đã nhận ra những mặt yếu kém không phù hợp với cơ chế mới nên đã có nhiều biện pháp kinh tế hiệu quả, mọi sáng kiến luôn được phát huy nhằm từng bước khắc phục những khó khăn để hoà nhập với nền kinh tế thị trường. Bản thân Công ty luôn phải tự tìm ra các nguồn vốn để hoạt động kinh doanh, tự mình tìm ra các nguồn NVL, CCDC để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, đồng thời là một Công ty nhạy bén với sự thay đổi và sự cạnh tranh trên thị trường, Công ty luôn chú trọng tới việc nâng cao chất lượng dịch vụ, công tác quản lý nói chung và công tác quản lý NVL, CCDC nói riêng. Một trong những yêu cầu quan trọng mà công ty đề ra là phải tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Với mô hình quản lý chặt chẽ, các phòng ban được phân công nhiệm vụ rõ ràng cùng với sự nỗ lực và tinh thần đoàn kết của cán bộ công nhân viên, Công ty luôn phấn đấu để hoàn thành mục tiêu đề ra.

Nguyên vật liệu là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành, còn công cụ dụng cụ là sức sống cho quá trình sản xuất kinh doanh và là phần chi phí không thể thiếu để hoàn thành dịch vụ công ty cung cấp. Do đó công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tốt sẽ góp phần thực hiện và đóng góp tốt mục tiêu hạ giá thành sản phẩm mà công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng đề ra. Điều này thể hiện ở sự chú trọng từ khâu thu mua, bảo quản cho đến khâu sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng em thấy công tác quản lý và hạch toán ở công ty có nhiều ưu điểm cần phát huy, những tồn tại cần khắc phục, cụ thể như sau:

3.1.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán NVL, CCDC tại công ty.

3.1.1.1. Về công tác quản lý

Công tác xây dựng kế hoạch thu mua NVL, CCDC của công ty được thực hiện khá tốt. Cùng với sự cố gắng và tinh thần trách nhiệm cao của các phòng ban, đặc biệt là phòng kỹ thuật vật tư và phòng tài chính kế toán đã đảm bảo cung cấp vật tư đúng đủ, kịp thời với số lượng vật tư lớn, chủng loại đa dạng.

Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở các bến bãi và tại các phương tiện đều được xét duyệt kiểm tra trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đề ra. Từ đó công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đưa vào sản xuất được thực hiện một cách chặt chẽ, hợp lý sao cho tiết kiệm chi phí, góp phần hạ giá thành dịch vụ.

Công ty có hệ thống kho được xây dựng kiên cố, chắc chắn để nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tránh được những tác hại của tự nhiên như ẩm mốc, han rỉ,... Hệ thống kho của công ty được bố trí một cách khoa học, hợp lý theo từng loại, từng nhóm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tạo điều

kiện thuận lợi cho việc quản lý, kiểm tra số lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập, xuất, tồn kho của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Việc thu mua và dự trữ được thực hiện khá tốt, đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không để tình trạng ứ đọng hay gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh.

3.1.1.2. Về công tác kế toán

Phòng kế toán:

Được tổ chức gọn nhẹ, mọi yêu cầu về tài chính đều được đáp ứng kịp thời, chính xác và đầy đủ. Hầu hết nhân viên trong phòng đều năng động, trẻ trung, có khả năng nhạy bén, học hỏi, tiếp thu nhanh, và thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ. Mọi người đều có trách nhiệm hoàn thành công việc và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc.

Công tác kế toán:

Được phân công hợp lý, và chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình. Đảm bảo cung cấp được những thông tin nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Như vậy đã làm công tác kế toán của công ty thực sự trở thành công cụ đắc lực cho lãnh đạo trong việc quản lý, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở công ty đã phản ánh và giám đốc chặt chẽ tài sản, nguồn vốn cung ứng, đồng thời cung cấp thông tin chính xác kịp thời cho Giám đốc, cho bộ phận quản lý, giúp cho việc chỉ đạo nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được ổn định và nhanh chóng. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tồn kho đáp ứng được yêu cầu theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động vật tư ở các kho. Số liệu kế toán được ghi chép rõ ràng, trung thực.

Tình hình hạch toán NVL, CCDC tại Công ty:

Đây là khâu đặc biệt được Công ty coi trọng ngay từ những chứng từ ban đầu cũng như những qui định rất chặt chẽ, được lập kịp thời, nội dung ghi đầy đủ rõ ràng, sổ sách được lưu chuyên theo dõi và lưu giữ khá hợp lý,

không chồng chéo. Tổ chức theo dõi và ghi chép thường xuyên, liên tục thông qua các chứng từ như: phiếu nhập, phiếu cấp vật tư, phiếu xuất, hoá đơn GTGT và các loại sổ sách đã phản ánh đúng thực trạng biến động nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở công ty. Hạch toán vật tư tổng hợp cũng được chia làm 2 phần: hạch toán nhập và hạch toán xuất vật tư.

Định mức nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được xây dựng có khoa học và áp dụng khá nghiêm ngặt.

Về áp dụng hình thức sổ kế toán:

Hệ thống chứng từ tài khoản: Công ty đã tổ chức tốt hệ thống chứng từ và vận dụng tài khoản kế toán đúng với chế độ kế toán và biểu mẫu do bộ tài chính ban hành. Các chứng từ được lập, kiểm tra luân chuyển thường xuyên, phù hợp với nghiệp vụ phát sinh. Hệ thống tài khoản mà công ty sử dụng đã phản ánh đầy đủ mọi hoạt động kinh tế, việc sắp xếp phân loại các tài khoản trong hệ thống tài khoản của công ty tương đối phù hợp với tình hình sản xuất của công ty.

Nhìn chung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng được thực hiện tương đối nề nếp, đảm bảo tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện theo dõi chặt chẽ tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán NVL, CCDC tại công ty

Bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong công ty còn tồn tại những hạn chế nhất định.

Về phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Công ty có nhiều loại vật tư được nhập từ nhiều nguồn khác nhau, mỗi loại có vị trí vai trò khác nhau trong cấu thành của dịch vụ. Do vậy việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó Công ty không sử dụng “Sổ danh điểm vật tư, hàng hoá” để quản lý vật tư, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Kế toán còn có sự nhầm lẫn khi phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nên sẽ có sự tính toán chi phí không hợp lý và không tuân thủ đúng nguyên tắc của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Đối với những công cụ dụng cụ có thời hạn sử dụng hơn một chu kỳ kinh doanh, kế toán công ty hầu như không có sự phân bổ vào tài khoản 142 và 242.

Về việc luân chuyển chứng từ.

Công tác bàn giao, luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận phòng ban chưa được chặt chẽ. Công việc bàn giao không có sổ ghi chép xác nhận chứng từ, vì vậy nếu xảy ra hiện tượng mất chứng từ sẽ khó quy trách nhiệm.

Về sổ sách kế toán:

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chứng từ để ghi sổ sách kế toán. Hình thức này tương đối khó làm. Bên cạnh đó, công ty không lập đầy đủ các nhật ký chứng từ đối với một số phần hành kế toán như đối với kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tập hợp chi phí sản xuất,... Các chứng từ công ty sử dụng chưa hoàn toàn chính xác với mẫu của Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006. Cách lập sổ mang tính chất thủ công, độ chính xác không cao.

Về ứng dụng phần mềm kế toán:

Mặc dù được trang bị đầy đủ hệ thống máy vi tính, kế toán phải làm một khối lượng sổ sách kế toán chủ yếu trên máy bằng excel cho nên cuối kỳ nhiệm vụ của kế toán tổng hợp là khá nhiều. Việc hạch toán kế toán trong đơn vị có khối lượng lớn nhưng vẫn được thực hiện thủ công, công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán nên tốn nhiều thời gian, lãng phí nhân công, việc sử dụng máy tính chưa phát huy hết hiệu quả.

Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Hiện nay công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong đó công ty phải luôn dự trữ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng HP.

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cần phải chú ý đến các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.

Nguyên tắc giá gốc: Qui định nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được đánh giá theo giá gốc.

Nguyên tắc thận trọng: Để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cần phải thận trọng từng bước.

Ngoài ra cũng cần phải đảm bảo các yêu cơ bản như yêu cầu về tính khách quan, tính trung thực, đầy đủ và kịp thời.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trước hết phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Tôn trọng nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng các hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có một đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho,...). Doanh nghiệp không áp dụng cứng nhắc, dập khuôn mà nên linh hoạt chọn những hình thức, phương pháp kế toán thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ đem lại hiệu quả cao trong công tác kế toán mà vẫn đảm bảo đúng chế độ, chuẩn mực của Nhà nước.

Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin về kế toán đưa ra phải đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác với yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

Hoàn thiện nhưng vẫn dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp xét đến cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận.

Đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sẽ thực hiện được tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng HP.

Từ những kiến thức lý luận được trang bị trong nhà trường, cùng với tình hình thực tế tại Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng, em có một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty như sau:

3.2.3.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm NVL, CCDC

Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ, phẩm chất. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân bổ theo chức năng vai trò mà chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện rõ đặc điểm công dụng của từng loại. Với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ như hiện tại, theo em công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng sổ danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Sổ danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã và đang sử dụng, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu, công cụ dụng cụ một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm vật tư, công cụ dụng cụ có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được qui định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm vật liệu, công cụ dụng cụ giúp cho việc quản lý từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập – xuất – tồn kho. Khi có sổ danh điểm việc cập nhật số

liệu vào phần mềm kế toán (với điều kiện công ty nên áp dụng sử dụng phần mềm kế toán) và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận lợi hơn, tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói chung trong công ty sẽ được chặt chẽ hơn, thống nhất và khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm vật liệu, công cụ dụng cụ, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu, công cụ dụng cụ chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ bổ sung những mã vật liệu, công cụ dụng cụ chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào loại vật liệu, công cụ dụng cụ
- Dựa vào số nhóm vật liệu, công cụ dụng cụ trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ tự vật liệu, công cụ dụng cụ trong mỗi nhóm
- Dựa vào số qui cách vật liệu, công cụ dụng cụ trong mỗi thứ

Dựa vào các con số tự nhiên, em xin đề xuất qui ước để xây dựng bộ mã vật liệu, công cụ dụng cụ cho công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng.

Trước hết bộ mã nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được xây dựng trên cơ sở số hiệu tài khoản cấp 2 đối với vật liệu.

- Vật tư 1522
- Nhiên liệu 1523
- Phụ tùng thay thế 1524

Để biểu thị nhóm vật liệu có cùng tính chất, chức năng và vai trò tương tự nhau, ta thêm số tự nhiên thứ 5 và thứ 6 vào sau số hiệu tài khoản cấp 2. Còn đối với công cụ dụng cụ ta thêm số tự nhiên thứ 4 và thứ 5 sau tài khoản cấp 1.

Ví dụ:

Vật tư 1522

Sơn màu: 1522.01
Sơn đen M-300: 1522.01.01
Sơn nâu M-511: 1522.01.02
Sơn lam M-100: 1522.01.03
Sơn trắng M-100: 1522.01.04
Sơn đỏ M-146: 1522.01.05
Sơn vàng M-132: 1522.01.06
Sơn lót Rpl (R): 1522.01.07
Sơn lót Rpl (S): 1522.01.08
Sơn chống hà Rp3: 1522.01.09
Sơn chống rỉ M nâu: 1522.01.10

...

Dung môi: 1522.02
Dung môi RA (10%): 1522.02.01
Dung môi M (7%): 1522.02.02

...

Bóng đèn: 1522.03
Bóng đèn 220v-40w: 1522.03.01
Bóng tuýp 0.6m: 1522.03.02
Bóng đèn halogen: 1522.03.03
Bóng đèn 220v-60w: 1522.03.04

Nhiên liệu 1523

Dầu 1523.01
Dầu diesel: 1523.01.01
Dầu super40: 1523.01.02
Dầu Gadina 40: 1523.01.03
Dầu Rimulla 15w40: 1523.01.04

Dầu Disola 30+40: 1523.01.05

Dầu super 20w40: 1523.01.06

Công cụ dụng cụ: 153

Găng tay: 153.01

Găng tay sợi: 153.01.01

Găng tay vải: 153.01.02

Găng tay cao su: 153.01.03

Bảo hộ lao động: 153.02

Mũ vải: 153.02.01

Giày quân nhu: 153.02.02

Nút bịt tai: 153.02.03

Quần áo BHLĐ: 153.02.04

Ủng cao su LĐ: 153.02.05

Dây an toàn: 153.02.06

Giày chống dầu: 153.02.07

Mũ nhựa: 153.02.08

Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng có thể lập sổ danh
điểm vật liệu theo mẫu 01: Sổ danh điểm NVL, CCDC như sau:

Mẫu 01: Sổ danh điểm NVL, CCDC

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Ký hiệu			Tên, nhãn hiệu qui cách vật liệu, công cụ dụng cụ	ĐVT	Đơn giá	Ghi chú
Loại	Nhóm	Danh điểm				
1522			<i>Vật tư</i>			
	1522.01		Sơn			
		1522.01.01	Sơn đen M-300	Lít		
		1522.01.02	Sơn nâu M-511	Lít		
		1522.01.03	Sơn lam M-270	Lít		
		1522.01.04	Sơn trắng M-100	Lít		
		1522.01.05	Sơn đỏ M-146	Lít		
		1522.01.06	Sơn vàng M-132	Lít		
		1522.01.07	Sơn lót Rpl (R)	Lít		
		1522.01.08	Sơn lót Rpl (C)	Lít		
		1522.01.09	Sơn chống hà RP3	Lít		
		1522.01.10	Sơn chống rỉ M nâu			

	1522.02		Dung môi			
		1522.02.01	Dung môi RA (10%)	Lít		
		1522.02.02	Dung môi M (7%)	Lít		
	1522.03		Bóng đèn			
		1522.03.01	Bóng đèn 220v-40w	Cái		
		1522.03.02	Bóng tuýp 0.6m	Cái		
		1522.03.03	Bóng đèn halogen 1000w	Cái		
		1522.03.04	Bóng đèn 220v-60w	Cái		

	1522.04		Vật tư khác			
		1522.04.01	Băng vải	Cuộn		

		1522.04.02	Bút sơn lăn	Cái		
		1522.04.03	Áo lông lăn sơn	Cái		
		1522.04.04	Bàn chải máy	Cái		
		1522.04.05	Giẻ lau thường	Kg		
		1522.04.06	Dây điện cao su	Mét		
		1522.04.07	Đồng hồ vạn năng	Cái		

1523			Nhiên liệu			
	1523.01		Dầu			
		1523.01.01	Dầu diesel	Lít		
		1523.01.02	Dầu super40	Lít		
		1523.01.03	Dầu Gadina 40	Lít		
		1523.01.04	Dầu Rimulla 15w40	Lít		
		1523.01.05	Dầu Disola 30+40	Lít		
		1523.01.06	Dầu super 20w40	Lít		
		1523.01.07	Delo sea 15w40	Lít		

	1523.02		Nhớt			
		1523.02.01	Telus 32	Lít		
		1523.02.02	Telus 46	Lít		
	1523.03		Xăng			
		1523.03.01	Xăng A92	Lít		
		1523.03.02	Xăng A95	Lít		

	1523.04		Nhiên liệu khác			
		1532.04.01	Mỡ L3	Kg		

153			Công cụ dụng cụ			

	153.01		Găng tay	Đôi		
		153.01.01	Găng tay sợi	Đôi		
		153.01.02	Găng tay vải	Đôi		
		153.01.03	Găng tay cao su	Đôi		

	153.02		Bảo hộ lao động			
		153.02.01	Mũ vải	Cái		
		153.02.02	Giày quân nhu	Cái		
		153.02.03	Nút bịt tai	Đôi		
		153.02.04	Quần áo BHLĐ	Bộ		
		153.02.05	Ủng cao su LD	Đôi		
		153.02.06	Dây an toàn	Cái		
		153.02.07	Giày chống dầu	Đôi		
		153.02.08	Mũ nhựa	Cái		
		153.02.09	Quần áo mưa	Bộ		

	153.03		Phụ tùng			
		153.03.01	Máy nạp ắc quy	Cái		
		153.03.02	Kìm hàn	Cái		
		153.03.03	Bếp cắt hơi số 2	Cái		
		153.03.04	Bếp cắt hơi số 3	Cái		
		153.03.05	Búa gõ ri	Cái		
		153.03.06	Búa tay 1.5kg	Cái		
		153.03.07	Kính hàn	Cái		

	153.04		CCDC khác			
		153.04.01	Bột giặt daso	Kg		

3.2.3.2. Hoàn thiện việc phân loại, phân bổ NVL, CCDC

Một số loại NVL như bóng đèn, bình ắc qui, đồng hồ vạn năng,...kể toán phân loại là vật tư, thời gian sử dụng của những vật tư này kéo dài trong vài kỳ kinh doanh. Như bình ắc quy có thể sử dụng đến 2 năm, bóng đèn có tuổi thọ là vài tháng. Những vật tư này được tính chi phí hết cho một kỳ kinh doanh mà những vật tư này được xuất ra, còn những tháng sau thì không tính chi phí nữa.

Một số công cụ dụng cụ của công ty có thời gian sử dụng trong nhiều kỳ kinh doanh nhưng lại được kế toán hạch toán toàn bộ chi phí của công cụ dụng cụ đó trong kỳ kinh doanh mà CCDC được xuất cho sử dụng. Ví dụ như máy nạp ắc quy có tuổi thọ kéo dài vài năm, nhưng kế toán hạch toán toàn bộ chi phí của máy nạp ắc qui cho TK 627 trong tháng xuất máy nạp ắc qui cho sử dụng, không có sự phân bổ cho những tháng về sau.

Việc này vi phạm tính chính xác khi tính chi phí của chu kỳ kinh doanh đó và những kỳ kinh doanh sau. Những NVL, CCDC này nên được hạch toán chính xác và có sự phân bổ hợp lý.

3.2.3.3. Hoàn thiện việc lập sổ sách kế toán tại Công ty

Hoàn thiện nhật ký chứng từ số 7 và các Bảng kê

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chứng từ nhưng khi làm sổ sách lại không lập nhật ký chứng từ cho một số phần hành kế toán, trong đó kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cũng không được lập các bảng kê chi tiết và nhật ký chứng từ theo đúng mẫu qui định của Bộ tài chính.

Việc kế toán tính toán chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo cách tính thủ công, từ các phiếu xuất kho tập hợp lại cộng máy tay rồi lập luôn bảng kê xuất tổng hợp sẽ rất dễ bị sai sót, dẫn đến số liệu sai trong báo cáo tài chính. Hơn nữa, công việc tính toán thủ công như vậy không thực hiện đối chiếu, theo dõi được về tình hình biến động của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và khiến cho số lượng công việc của kế toán vào cuối tháng rất nhiều, gây áp lực cho kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Công ty cũng nên lập bảng kê xuất chi tiết cho từng loại NVL, CCDC, trong đó theo dõi cả số lượng phiếu xuất, số lượng xuất, đơn giá, thành tiền và theo dõi được cả mặt hàng. Em xin đề nghị mẫu bảng kê xuất chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ như sau: Mẫu số 03: Bảng kê xuất kho vật tư chi tiết. Từ bảng kê này kế toán có thể làm bảng kê xuất kho tổng hợp được chính xác hơn.

Bên cạnh đó, công ty nên sử dụng mẫu bảng kê 4 theo qui định của Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC Mẫu số 04. Theo đó kế toán tập hợp các chi phí sản xuất trong một bảng kê 4, thuận tiện cho việc theo dõi, đối chiếu và làm nhật ký chứng từ số 7. Vẫn đảm bảo được tính chi tiết của các khoản chi phí và tiết kiệm thời gian so với việc mỗi tài khoản chi phí lập một bảng kê.

Nhật ký chứng từ số 7 (Mẫu số 05: Nhật ký chứng từ số 7). để thuận tiện cho việc theo dõi, đối chiếu tình hình biến động nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và lập báo cáo tài chính được chính xác hơn.

Hoàn thiện việc ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Hiện nay công ty không sử dụng sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ. Việc này khiến cho việc theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu trở nên khó khăn hơn. Việc mở sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ giúp công ty theo dõi được sát sao quá trình thu mua và xuất dùng vật liệu, công cụ dụng cụ.

BẢNG KÊ XUẤT KHO VẬT TƯ CHI TIẾT

Tháng 9 Năm 2012

SHTK	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	MÃ VT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	SH	NT CT						
621			Chi phí NVL trực tiếp					
			<i>Hỗ trợ</i>					256,490,340
	PXK 33	30/9	Tàu HC 57	1523.01.01	Lít	615	19,273	11,852,895
				1523.01.06	Lít	5	59,538	297,690
	PXK 34	30/9	Tàu HC 58	1523.01.01	Lít	579	19,273	11,159,067
				1523.01.06	Lít	5	59,538	297,690
		
			<i>Vận tải</i>					1,091,342,043
	PXK 61	30/9	Tàu Dã tượng	1523.01.01	Lít	4,000	19,273	77,092,000
	PXK 67	30/9	Tàu BN 0844	1523.01.01	Lít	1,900	19,273	36,618,700
		
			<i>Bốc xếp</i>					244,744,354
	PXK 72	30/9	Cần trục nổi P11	1523.01.01	Lít	3,200	19,273	61,673,600
	PXK 73	30/9	Tàu HC 66	1523.02.02	Lít	5	68,182	340,910
		
			<i>Dịch vụ</i>					217,078,535
	PXK 89	30/9	Tàu HC 03	1523.01.01	Lít	3,200	19,273	61,673,600

		
			Cộng TK 621					1,809,655,273
627			Chi phí sản xuất chung					
			<i>Hỗ trợ</i>					
			<i>Vận tải</i>					
			<i>Bốc xếp</i>					
			<i>Dịch vụ</i>					
			Cộng TK 627					
642			Chi phí quản lý doanh nghiệp					
			<i>Văn phòng</i>					<i>9,171,150</i>
	PXK 108	30/9	Xe ô tô HUNDAI 16 chỗ	1523.01.06	Lít	2	59,538	119,076
				1523.03.01	Lít	200	21,374	4,274,800
				1523.01.07	Lít	1	67,810	67,810
		
			Công TK 642					9,171,150
			Tổng cộng					1,818,826,423

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Kế Toán vật tư

CTCP LAI ĐẮT & VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 4 Lý Tự Trọng - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu 04 S04b4-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 4

Tập hợp chi phí sản xuất theo phân xưởng
Dùng cho các tài khoản: 154, 621, 622, 627, 631.

Tháng 9 năm 2012

STT	Các TK ghi Có Các TK ghi Nợ	152.3	153	334	338	621	622	627	Các TK phản ánh ở các NKCT khác			Tổng CP thực tế trong tháng
									NKCT Số 1	NKCT Số 7	
A	B	1	2					4	19	20	...	29
1	154					1,809,655,273						1,809,655,273
	<i>Hỗ Trợ</i>					256,490,340						256,490,340
	<i>Vận tải</i>					1,091,342,043						1,091,342,043
	<i>Bóc xếp</i>					244,744,354						244,744,354
	<i>Dịch vụ</i>					217,078,535						217,078,535
3	621	1,809,655,273										1,809,655,273
	<i>Hỗ Trợ</i>	256,490,340										256,490,340
	<i>Vận tải</i>	1,091,342,043										1,091,342,043
	<i>Bóc xếp</i>	244,744,354										244,744,354
	<i>Dịch vụ</i>	217,078,535										217,078,535
4	622											0
	<i>Hỗ Trợ</i>											0
	<i>Vận tải</i>											0
	<i>Bóc xếp</i>											0
	<i>Dịch vụ</i>											0
5	627	0										0
	<i>Hỗ Trợ</i>											0
	<i>Vận tải</i>											0
	<i>Bóc xếp</i>											0
	<i>Dịch vụ</i>											0
6	Cộng	1,809,655,273	0	0	0	1,809,655,273	0	0	0	0	0	3,619,310,546

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CTCP LAI DẮT & VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG
 Địa chỉ: Số 4 Lý Tự Trọng - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S04a7-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp

Ghi Có các TK: 152, 154, 214, 334, 338, 621, 622, 627.

Tháng 9 năm 2012

STT	Các TK ghi Có Các TK ghi Nợ	152.3	153	154	334	338	621	622	627	Các TK phản ánh ở các NKCT khác			Tổng cộng CP
											NKCT Số 1	NKCT Số 2	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	...	19	20	...	29
1	154						1,809,655,273	943,988,128	0					2,753,643,401
2	621	1,809,655,273												1,809,655,273
3	627	0												0
	622				799,944,880	144,043,248								
4	642	9,171,150												9,171,150
5													0
6	Cộng A	1,818,826,423		0			1,809,655,273		0	0	0	0	0	4,572,469,824
7	152													0
8	153													0
9	632													0
10	111													0
11	112													0
12	131													0
13													0
14	Cộng B	0		0			0		0	0	0	0	0	0
15	Tổng cộng (A+B)	1,818,826,423		0			1,809,655,273		0	0	0	0	0	4,572,469,824

Khóa luận tốt nghiệp

CTCP LAI ĐẤT & VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

MST: 0201040588

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Tài khoản: 152.3
 Tên kho: Kho Nhiên liệu
 Tháng 9 năm 2012.

Tên, qui cách vật liệu: Dầu Diezel 0,05%S
 Mã số: 1523.01.01
 Đơn vị tính: Lít

Số dư đầu kỳ **2,117,767,158**

S T T	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Số lượng	Ghi Nợ TK 152.3, ghi Có các TK khác				Ghi Có TK 152.3, ghi Nợ các TK khác			
	Số hiệu	Ngày tháng					111	112	331	Cộng	621	627	642	Cộng
1	PNK10/9	7/9	Mua dầu Diezel của công ty 568, chưa thanh toán	331	19,800	20,000			396,000,000	396,000,000				
2	PNK11/9	7/9	Mua dầu Diezel của Cty TNHH Thành Hải, chưa thanh toán	331	19,800	60,000			1,188,000,000	1,188,000,000				
3	PNK79/9	20/9	Nhập dầu diezel của công ty 568, chưa thanh toán	331	19,800	5,000			99,000,000	99,000,000				
4	PNK120/9	21/9	Mua dầu diezel của công ty TNHH Thịnh Hưng, chưa thanh toán	331	19,886	8,155			162,169,539	162,169,539				
5	PNX211/9	24/9	Mua dầu diezel của công ty Vượng Quyền, chưa thanh toán	331	19,888	5,436			108,113,026	108,113,026				
6	PNK290/9	27/9	Mua dầu diezel của công ty Trường Sơn, chưa thanh toán	331	19,881	2,719			54,056,513	54,056,513				
7	PXK33	30/9	Xuất dầu cho tàu HC 57	621	19,273	615					11,852,895			11,852,895
8	PXK34	30/9	Xuất dầu cho tàu HC 58	621	19,273	579					11,159,067			11,159,067
9
			Cộng phát sinh				0		2,007,339,078	2,007,339,078	1,769,511,949			1,769,511,949

Số dư cuối kỳ: **2,355,594,287**

Thủ kho/người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Bùi Bích Ngọc – Lớp QT1305K

CTCP LAI ĐẤT & VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

MST: 0201040588

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Tài khoản: 153

Tên kho: Kho Công cụ dụng cụ

Tháng 5 năm 2012.

Tên, qui cách vật liệu: Găng tay vải

Mã số: 153.01.02

Đơn vị tính: Đôi

Số dư đầu kỳ **1,218,000**

S T T	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Số lượng	Ghi Nợ TK 153, ghi Có các TK khác				Ghi Có TK 153, ghi Nợ các TK khác			
	Số hiệu	Ngày tháng					111	112	331	Cộng	621	627	642	Cộng
1	PXK240	31/5	Xuất găng tay vải cho P10	627	3,045	16						48,720		48,720
			Cộng phát sinh									48,720		48,720

Số dư cuối kỳ: **1,169,280**

Thủ kho/người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

3.2.3.4. Hoàn thiện công tác kiểm kê NVL, CCDC tại công ty

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty. Hiện nay, công ty đã tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ định kỳ một lần một tháng tại thời điểm cuối mỗi tháng. Thời gian tổ chức kiểm kê như vậy đã đánh giá được kịp thời, chính xác số lượng, giá trị cũng như phẩm chất giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho.

Tuy nhiên, công ty lập mẫu kiểm kê vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho còn sơ sài, chưa đánh giá được đầy đủ về mặt giá trị mà mới chỉ phản ánh chi tiết về mặt số lượng. Công ty nên áp dụng biểu mẫu “Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa” do Bộ tài chính ban hành theo mẫu số 05-VT, Công ty có thể lập biên bản như sau:

CTCP LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Mẫu số: 05 – VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Thời điểm kiểm kê: ... 14 giờ ..30' ngày ... 31 ... tháng ... 05 năm ... 2012

Ban kiểm kê gồm:

Ông/Bà	Trần Ngọc Thiêm	Chức vụ	PP.Kỹ thuật	Đại diện	Trưởng ban
Ông/Bà	Đào Văn Hải	Chức vụ	KT tổng hợp	Đại diện	Ủy viên
Ông/Bà	Vũ Thị Lựu	Chức vụ	Kế toán	Đại diện	Ủy viên
Ông/Bà	Đặng Thị Cảnh	Chức vụ	Thủ kho	Đại diện	Ủy viên

Đã kiểm kê kho CCDC có những mặt hàng dưới đây:

ST T	Tên, nhãn hiệu, qui cách vật tư, dụng cụ,...	Mã số	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SL	TT	SL	Thành tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Găng tay sợi	153.01.01	Đôi	2,925	26	76,050	24	70,200			2	5,850	24		2
2	Găng tay vải	153.01.02	Đôi	3,045	384	1,169,280	384	1,169,280					384		
3	Găng tay cao su	153.01.03	Đôi	11,500	23	264,500	22	253,000			1	11,500	22		1
4	Búa gỗ ri	153.03.05	Cái	12,800	5	64,000	5	64,000					5		
5	Mũ vải	153.02.01	Cái	14,913	7	104,388	7	104,388					7		
6	Giày quân nhu	153.02.02	Đôi	35,307	7	247,151	7	247,151					7		
7	Nút bịt tai	153.02.03	Đôi	6,000	8	48,000	7	42,000			1	6,000	7		1
8	Quần áo BHLĐ	153.02.04	Bộ	149,252	3	447,757	3	447,757					3		
9	Ủng cao su LĐ	153.02.05	Đôi	40,000	3	120,000	3	120,000					3		
10	Dây an toàn	153.02.06	Cái	70,000	4	280,000	4	280,000					4		

Khóa luận tốt nghiệp

11	Giày chống dầu	153.02.07	Đôi	75,000	3	225,000	3	225,000					3		
12	Mũ nhựa	153.02.08	Cái	25,000	3	75,000	3	75,000					3		
13	Áo mưa	153.02.09	Bộ	149,091	11	1,640,001	11	1,640,001					11		
14	Bột giặt Daso	143.04.01	Kg	19,990	6	119,940	6	119,940					6		
15	Máy nạp ác qui	153.03.01	Cái	1,900,000	0	0	0	0					0		
16	Kim hàn	153.03.02	Cái	130,000	2	260,000	2	260,000					2		
17	Bếp cắt hơi số 2	153.03.03	Cái	60,000	3	180,000	3	180,000					3		
18	Bếp cắt hơi số 3	153.03.04	Cái	60,000	3	180,000	3	180,000					3		
19	Búa tay 1.5kg	153.03.06	Cái	88,000	2	176,000	2	176,000					2		
20	Kính hàn	153.03.07	Cái	3,500	10	35,000	10	35,000					10		
	Cộng	×	×	×	×	5,712,067	×	5,688,717	×		×	23,350	×	×	×

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê

(Ký, họ tên)

Ý kiến giải quyết số chênh lệch: Số lượng CCDC của công ty đủ về mặt số lượng so với sổ sách, một số CCDC đã bị kém chất lượng do lưu trữ lâu ngày nên đã bị ẩm mốc và mối mọt. Ban kiểm nghiệm xác định số lượng CCDC kém phẩm chất nằm trong phạm vi hồng hóc cho phép và nhất trí theo Biên bản kiểm kê trên, báo cáo trình cấp trên.

3.2.3.5. Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty có giá trị lớn, đa dạng chủng loại và hiện nay giá cả thị trường của những loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ này thường xuyên biến động. Vì vậy để chủ động trong các trường hợp rủi ro giảm giá vật tư hàng hóa, công ty nên tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc trích lập dự phòng được lập vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính.

Dự phòng thực chất làm tăng chi phí đồng nghĩa với việc giảm thu nhập ròng. Nó giúp doanh nghiệp có một quỹ tiền tệ để khắc phục những thiệt hại xảy ra trong kinh doanh. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đề phòng giá cả của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thực tế giảm so với giá ghi trên sổ sách.

Số dự phòng được xác định như sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá NVL, CCDC} = \frac{\text{Số lượng NVL, CCDC tồn kho tại thời điểm lập Báo cáo tài chính}}{\text{Báo cáo tài chính}} \times \text{Mức giảm giá NVL, CCDC}$$

Trong đó

$$\text{Mức giảm giá NVL, CCDC} = \frac{\text{Giá gốc NVL, CCDC tồn kho theo sổ kế toán}}{\text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của NVL, CCDC}}$$

3.2.3.6. Hoàn thiện việc áp dụng kế toán máy vào hạch toán nói chung và hạch toán vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng.

Công ty nên tham khảo các phần mềm kế toán như Misasme, Junsy MLE....để lựa chọn phần mềm phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh của mình. Bởi vì các phần mềm kế toán có nhiều ưu điểm:

- Thu thập, xử lý thông tin một cách nhanh chóng
- Tạo điều kiện cho Công ty chủ động kiểm soát các thông tin tài chính

- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của công ty là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.
- Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Đặc biệt với phần mềm kế toán, công tác quản lý NVL, CCDC có thể ở những mức độ khác nhau từ đơn giản ở mức tài khoản, nghĩa là chỉ theo dõi số dư và phát sinh ở các TK 152, 153 đến mức độ chi tiết hơn về số lượng, đơn giá từng mặt hàng, theo dõi theo từng lần nhập xuất và theo dõi thanh toán mua hàng,... quản lý danh mục NVL, CCDC, danh mục kho, chức năng tổng hợp, lập sổ và lập các báo cáo,...

Để đáp ứng và phù hợp với điều kiện phát triển hiện nay công ty cần thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán trong việc sử dụng kế toán máy.

3.2.3.7. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng, ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để giao biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo “Mẫu số 02: Sổ giao nhận chứng từ” như sau:

Mẫu số 02: Sổ giao nhận chứng từ

CTCP LAI ĐẤT & VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày.....đến ngày.....tháng.....năm.....

Ngày tháng trên chứng từ	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Ghi chú	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận
A	1	B	2	C	D

Ngày.....tháng.....năm...

CTCP LAI ĐẤT & VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày 05 đến ngày 06 tháng 09 năm 2012

Ngày tháng trên CT	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Ghi chú	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận
A	1	B	2	C	D
05/5	8PN 0PX	Từ PN số 2/9 đến PN số 9/9 Không có Phiếu xuất	Đã nhận đủ 8PN + 0PX từ thủ kho Bàn giao		
06/5	0PN 0PX		lúc 17h00' ngày 06/9		

Ngày 06 tháng 5 năm 2012.

KẾT LUẬN

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ là những yếu tố không thể thiếu để cấu thành nên một sản phẩm, dịch vụ. Nguyên vật liệu đóng một vai trò quan trọng, nó vừa là đối tượng lao động vừa là cơ sở vật chất trực tiếp tạo ra sản phẩm, chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất, còn công cụ dụng cụ là sức sống của cả quá trình sản xuất kinh doanh. Trong thế chuyển mình của đất nước, các doanh nghiệp luôn tìm mọi cách để đạt được chi phí thấp nhất thông qua giảm chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Để làm được điều đó thì ngay từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ đến sử dụng phải tiến hành một cách khoa học chặt chẽ.

Trong thời gian thực tập tại phòng kế toán tài chính của công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng, em đã được tiếp cận với thực tiễn của công tác kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty, hệ thống các chứng từ cũng như hệ thống sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của công ty. Từ đó, em hiểu sâu sắc hơn về các kiến thức mình đã được học trong quá trình học tập và có được một số kinh nghiệm thực tiễn. Thời gian thực tập tại công ty đã giúp em nhận thấy được vai trò của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng và quản lý sản xuất nói chung, đồng thời em thấy được cần phải vận dụng lý thuyết vào thực tiễn như thế nào để đạt được hiệu quả cao nhất.

Qua nghiên cứu đề tài em hiểu rõ hơn về vai trò của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong sản xuất kinh doanh và khái quát được sơ bộ về thực trạng kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng. Từ đó thấy được ưu nhược điểm của công tác kế toán vật tư cũng như công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty, tìm ra nguyên nhân và đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để phù hợp với

điều kiện kinh doanh hiện nay của công ty và đảm bảo theo đúng chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

Trong quá trình thực tập, em đã tìm hiểu và thu thập số liệu có liên quan đến kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Tuy nhiên trong khuôn khổ nghiên cứu đề tài chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Kính mong nhận được sự thông cảm và đóng góp của thầy cô giáo để đề tài của em được hoàn thiện hơn. Xin trân trọng cảm ơn cô giáo – **Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo**, cũng như sự giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tài chính của công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng, tạo điều kiện để em hoàn thành đề tài nghiên cứu trong suốt thời gian thực tập tại công ty.

Sinh viên

Bùi Bích Ngọc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy – *Giáo Trình kế toán tài chính*: NXB Tài Chính (2008)
2. Nguyễn Phú Giang – *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*: NXB Tài Chính (2007)
3. Th.S Võ Văn Nhị - *Kế toán tài chính*: NXB Tài Chính (2007)
4. Th.S Võ Văn Nhị - *268 Sơ đồ kế toán doanh nghiệp*: NXB Lao động xã hội (2009)
5. GS Th.S Đặng Thị Loan – *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*: NXB Đại học kinh tế quốc dân (2009)
6. Trần Quý Liên, Phạm Thành Long, Trần Văn Thuận – *Nguyên lý kế toán*: NXB Tài Chính (2009)
7. Trần Hữu Thực – *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)*: NXB Tài Chính (2006)
8. Trần Hữu Thực – *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)*: NXB Tài Chính (2006)
9. Bộ Tài Chính – *Hệ thống tài khoản kế toán (Quyển 1)*: NXB Lao động (2012)
10. Các bài khóa luận, nghiên cứu khoa học của sinh viên khóa 11 trường Đại học dân lập Hải Phòng (2011)